

TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP PHÉP NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

# BẢN CÁO BẠCH

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THUỶ SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

*(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5603000043 đăng ký lần đầu ngày 23/03/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 24/05/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Kiên Giang cấp)*

## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TẠI TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

*(Đăng ký niêm yết số: . . . /ĐKNY do Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày . . . tháng . . . năm . . .)*

☞ Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

### 1. CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THUỶ SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

Địa chỉ: 326 – 328 Ngô Quyền, Rạch Giá, Kiên Giang.

Điện thoại: 077.866.228 Fax: 077.924.331

### 2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ GIA

Địa chỉ: 13A Tú Xương, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.932.2222 Fax: 08.932.1619

☞ Phụ trách công bố thông tin:

Võ Thế Trọng – Kế toán trưởng Công ty cổ phần Chế biến Thuỷ sản Xuất khẩu Ngô Quyền

Điện thoại: 077.866.228 Fax: 077.924.331

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHẾ BIẾN THUỶ SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN**

*(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5603000043 đăng ký lần đầu ngày 23/03/2005,  
đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 24/05/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Kiên Giang cấp)*

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU  
TẠI TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN  
HÀ NỘI**

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất Khẩu  
Ngô Quyền  
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu  
Tổng khối lượng niêm yết : 1.000.000 cổ phiếu  
Tổng giá trị niêm yết : 10.000.000.000 đồng

**TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ GIA**

Địa chỉ: 13A, Tú Xương, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 932.2222

Fax: (84-8) 932.1619

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**

Địa chỉ: Lầu 5, Toà nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 8275026

Fax: (84-8) 8275027

MỤC LỤC



<b>I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO</b> .....	<b>4</b>
1. Rủi ro kinh tế .....	4
2. Rủi ro pháp luật.....	4
3. Rủi ro tỷ giá hối đoái.....	5
4. Rủi ro nguyên vật liệu .....	5
5. Rủi ro về thị trường tiêu thụ .....	5
6. Rủi ro về các vụ kiện chống bán phá giá.....	6
7. Rủi ro khác.....	6
<b>II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH</b> .....	<b>7</b>
1. Tổ chức niêm yết.....	7
2. Tổ chức tư vấn .....	7
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM</b> .....	<b>7</b>
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT</b> .....	<b>8</b>
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....	8
1.1. Lịch sử hình thành .....	8
1.2. Giới thiệu về Công ty .....	10
2. Các đơn vị trực thuộc.....	11
3. Cơ cấu tổ chức Công ty .....	11
4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty .....	11
5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ .....	18

5.1.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty .....	19
5.2.	Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.....	19
6.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức xin niêm yết, những công ty mà tổ chức xin niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức xin niêm yết.....	21
7.	Hoạt động kinh doanh.....	21
7.1.	Sản lượng sản phẩm.....	23
7.1.1.	Sản lượng sản phẩm .....	23
7.1.2.	Doanh thu .....	23
7.2.	Nguyên vật liệu .....	24
7.2.1.	Nguồn nguyên vật liệu .....	24
7.2.2.	Sự ổn định của các nguồn cung cấp nguyên vật liệu .....	25
7.2.3.	Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu, lợi nhuận .....	26
7.3.	Thị trường tiêu thụ .....	26
7.4.	Chi phí sản xuất.....	27
7.5.	Trình độ công nghệ .....	28
7.6.	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới .....	29
7.7.	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm .....	30
7.7.1.	Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng .....	30
7.7.2.	Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty.....	30
7.8.	Hoạt động Marketing, Nhãn hiệu hàng hóa .....	30
7.9.	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền .....	31
8.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 02 năm gần nhất .....	31

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 02 năm gần nhất .....	31
8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo.....	32
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành .....	33
9.1. Vị thế của Công ty trong ngành .....	33
9.2. Triển vọng phát triển của ngành .....	35
10. Chính sách đối với người lao động.....	37
10.1. Số lượng người lao động trong Công ty .....	37
10.2. Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp, các chế độ khác .....	38
11. Chính sách cổ tức.....	39
12. Tình hình hoạt động tài chính .....	39
12.1. Các chỉ tiêu cơ bản .....	39
12.1.1. Trích khấu hao TSCĐ .....	40
12.1.2. Mức lương bình quân .....	40
12.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn .....	40
12.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định .....	40
12.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định.....	40
12.1.6. Tổng dư nợ vay .....	41
12.1.7. Tình hình công nợ hiện nay .....	41
12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	42
13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát.....	43
13.1. Danh sách Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc .....	43
13.2. Ban kiểm soát .....	48
13.3. Ban Giám Đốc.....	51
13.4. Kế toán trưởng .....	51
14. Tài sản.....	51

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức .....	53
15.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2007 – 2009 .....	53
15.2. Phương hướng thực hiện .....	56
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức .....	59
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức xin niêm yết.	60
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết .....	60
<b>V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT .....</b>	<b>60</b>
1. Loại chứng khoán .....	60
2. Mệnh giá .....	60
3. Tổng số chứng khoán niêm yết.....	60
4. Phương pháp tính giá.....	60
5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài .....	61
6. Các loại thuế có liên quan .....	61
<b>VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT .....</b>	<b>62</b>
1. Tổ chức tư vấn niêm yết.....	62
2. Tổ chức kiểm toán .....	62
<b>VII. PHỤ LỤC.....</b>	<b>62</b>

## **I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**

### **1. Rủi ro kinh tế**

Sự phát triển của ngành thủy sản có quan hệ thuận chiều với sự phát triển của nền kinh tế. Do vậy, khi nền kinh tế tăng trưởng cao và ổn định sẽ là một điều kiện thuận lợi cho ngành thủy sản phát triển theo. Kinh tế Việt Nam trong những năm qua đều đạt mức tăng trưởng hết sức ấn tượng, bình quân khoảng 7,5% - 8% trong vòng 05 năm qua. Theo các chuyên gia kinh tế thì tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong những năm tới vẫn sẽ tăng trưởng với mức ổn định khoảng 8%/năm, đặc biệt trong năm vừa qua Việt Nam đạt được nhiều thuận lợi quan trọng mang tầm cỡ quốc tế như việc Việt Nam gia nhập WTO, Mỹ thông qua Quy chế quan hệ bình thường vĩnh viễn cho Việt Nam, tổ chức thành công sự kiện APEC... Vị thế của Việt Nam được nâng tầm trên trường quốc tế, ngày càng thu hút được nhiều nhà đầu tư nước ngoài. Do vậy, rủi ro kinh tế trong thời gian tới không phải là điều đáng quan ngại.

### **2. Rủi ro pháp luật**

Là một công ty cổ phần chuẩn bị niêm yết trên thị trường chứng khoán, nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối bởi các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán, chính sách thuế cũng như các quy định chuyên ngành đặc biệt việc hoàn thiện Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật Thương mại, sự ra đời của Luật Chứng khoán, Luật cạnh tranh... ngày càng tạo ra nhiều điều kiện thuận lợi, môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, minh bạch, công bằng hơn. Tuy nhiên, việc sửa đổi, hoàn thiện hơn khung pháp lý là khó tránh khỏi, điều này sẽ tạo ra rủi ro về mặt luật pháp. Mặt khác, mặc dù Công ty đã có một thời gian dài nhiều năm làm ăn kinh doanh với các đối tác nước ngoài ở những thị trường khó tính nhất như Nhật Bản, Hàn Quốc, các nước trong khối EU, Châu Mỹ... song, việc Việt Nam gia nhập vào WTO đòi hỏi các doanh nghiệp cần phải hiểu biết sâu sắc hơn luật pháp và các thông lệ quốc tế để tránh những trường hợp đáng tiếc nhất có thể xảy ra. Nhận thức được điều này, Công ty luôn cố gắng tìm kiếm thông tin về các đối tác, đối thủ, trang bị kiến thức về luật pháp quốc tế để thực sự hội nhập sâu hơn các thị trường nước ngoài.

Do vậy, xét về mặt tổng thể môi trường pháp lý và tình hình thực tiễn tại Công ty, rủi ro về mặt pháp luật ít có ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

### **3. Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Trong cơ cấu doanh thu của công ty, hoạt động xuất khẩu luôn chiếm tỷ trọng lớn khoảng hơn 90% doanh thu thuần, do vậy sự biến động của tỷ giá hối đoái luôn có ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty. Trong thời gian qua, đồng Việt Nam luôn có xu hướng giảm giá so với Đô la Mỹ nên hoạt động xuất khẩu có nhiều lợi thế. Tuy nhiên, trong thời gian tới, nếu có một sự thay đổi trong chính sách tỷ giá hối đoái hoặc sự biến động bất lợi của tỷ giá ngoại tệ giữa VND và Đô la Mỹ thì ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Song, khả năng này khó có thể xảy ra.

### **4. Rủi ro nguyên vật liệu**

Nguồn nguyên liệu đầu vào cung cấp cho Công ty tập trung chủ yếu nằm ở vùng biển Kiên Giang. Mặc dù được thiên nhiên ưu đãi nhưng nếu thời tiết thay đổi theo chiều hướng bất lợi sẽ làm cho sản lượng khai thác giảm sút. Ngoài ra, sự ô nhiễm nguồn nước sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến chất lượng nguyên liệu không tốt sẽ làm cho Công ty phải tốn nhiều chi phí để xử lý. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh gay gắt của các đối thủ trong thu mua nguyên liệu sẽ làm cho giá cả nguyên liệu biến động mạnh. Mặt khác, tình hình kinh tế - chính trị trên thế giới luôn tiềm ẩn nhiều bất ổn làm cho giá dầu thế giới tăng cao, cộng với tình trạng lạm phát trong nước đang có chiều hướng bất lợi trực tiếp làm cho chi phí khai thác hải sản của bà con ngư dân tăng cao nên giá cả nguyên liệu tăng. Chính những điều này sẽ trực tiếp làm giảm hiệu quả kinh doanh. Nhận thức được điều này, Công ty luôn hạn chế việc ký kết hợp đồng dài hạn (trên 3 tháng) mà chỉ ký những hợp đồng ngắn hạn trên cơ sở đã chủ động được nguồn nguyên liệu với giá cả hợp lý đã được tính toán trước, đảm bảo lợi nhuận cho Công ty.

### **5. Rủi ro về thị trường tiêu thụ**

Thị trường tiêu thụ chủ yếu của công ty là các nước nhập khẩu các mặt hàng thủy hải sản như Nhật Bản, Hàn Quốc, các nước trong khối EU, các nước này “nổi tiếng” nghiêm khắc với chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm. Chính vì điều đó, trong thời gian qua Công ty luôn xem chất lượng sản phẩm là yếu tố sống còn, các quy trình sản xuất được tuân thủ một cách nghiêm ngặt, quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm được giám sát một cách chặt chẽ qua nhiều giai đoạn... nhằm hạn chế tối đa việc sản phẩm không đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Tuy nhiên, dưới sức ép cạnh tranh



ngày càng gay gắt của các đối thủ cạnh tranh trong nước, quốc tế cũng như các nước sở tại, Công ty sẽ đối mặt với nhiều nguy cơ trong việc đánh mất những khách hàng truyền thống, cơ hội để tiếp cận những khách hàng tiềm năng. Nhận thức được điều này, trong thời gian tới, một mặt Công ty sẽ cải thiện chất lượng sản phẩm ngày càng tốt hơn với giá cả hợp lý, mặt khác đẩy mạnh các chiến lược tiếp thị, bán hàng, xúc tiến thương mại, tăng cường các chính sách chăm sóc khách hàng nhằm để nâng cao khả năng cạnh tranh để “giữ chân” các khách hàng truyền thống và tranh thủ tối đa những nguồn lực sẵn có để tìm kiếm các khách hàng mới, mở rộng thị trường ở nhiều quốc gia khác nhau để giảm thiểu rủi ro.

Bên cạnh những yếu tố trên, sự biến động chính trị, khủng hoảng kinh tế ở các nước nhập khẩu, sự thay đổi trong chính sách thuế, các tiêu chuẩn đánh giá sản phẩm đạt chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm cũng như sự áp đặt các hàng rào phi thuế quan ...sẽ tác động rất lớn đến tình hình xuất khẩu của Công ty. Do vậy, Công ty cần phải đa dạng hoá thị trường nhằm để giảm thiểu rủi ro trên.

## **6. Rủi ro về các vụ kiện chống bán phá giá**

Việt Nam đã gia nhập vào WTO có nghĩa là đang bước vào một “sân chơi lớn” mang tầm cỡ quốc tế. Do vậy, tranh chấp thương mại luôn có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Trong quá khứ, không chỉ đối với các mặt hàng thủy sản như cá tra, cá basa mà còn có các mặt hàng mà Việt Nam có lợi thế như các sản phẩm may mặc, giày dép...đều bị các nước nhập khẩu kiện bán phá giá. Nếu điều này xảy ra sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu, làm hạn chế năng lực sản xuất, làm giảm hiệu quả kinh doanh của Công ty. Do vậy, Công ty cần phải tuân thủ nghiêm ngặt quy trình sản xuất, kiểm tra đảm bảo chất lượng sản phẩm phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và phải có những dự trù các chính sách linh hoạt nhằm để đối phó những trường hợp trên xảy ra.

## **7. Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro trên, Công ty có thể còn phải đối mặt những rủi ro bất khả kháng như: lũ lụt, hạn hán, dịch bệnh, chiến tranh... Nếu điều này xảy ra sẽ gây những tổn hại về tài sản vật chất, con người và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

## **II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **1. Tổ chức niêm yết**

<b>Ông Huỳnh Châu Sang</b>	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
<b>Ông Nguyễn Ngọc Anh</b>	Chức vụ: Phó giám đốc
<b>Ông Võ Thế Trọng</b>	Chức vụ: Kế toán trưởng
<b>Ông Trương Lâm Triết</b>	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### **2. Tổ chức tư vấn**

Đại diện theo pháp luật: ông Lê Hồng Sơn                      Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin phép niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn niêm yết chứng khoán với Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất Khẩu Ngô Quyền. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất Khẩu Ngô Quyền cung cấp.

## **III. CÁC KHÁI NIỆM**

- Công ty	Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền
- NGOPREXCO	Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền
- PHUGIASC	Công ty cổ phần Chứng khoán Phú Gia
- HĐQT	Hội Đồng Quản Trị
- ĐHCĐ	Đại Hội Cổ Đông
- CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
- NAFIQAVED	Cục Quản lý chất lượng An toàn vệ sinh và Thú y Thủy sản
- TSCĐ	Tài sản cố định

- TTGDCKHN Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- WTO World Trade Organisation – Tổ chức thương mại thế giới
- XNK Xuất nhập khẩu
- HACCP Phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn.
- TNDN Thu nhập doanh nghiệp

#### **IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT**

##### **1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

###### **1.1. Lịch sử hình thành**

- Công ty cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền tiền thân là Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền, đơn vị hoạch toán báo sổ trực thuộc Công ty Xuất Nhập khẩu Thủy Sản Kiên Giang.
- Căn cứ kế hoạch sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước của UBND tỉnh Kiên Giang. Công ty Xuất Nhập khẩu Kiên Giang lập phương án cổ phần hóa Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền và được UBND tỉnh Kiên Giang ra quyết định số 3271/QĐ-UB ngày 30/12./2004 phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền..
- Ngày 16/02/2005 UBND tỉnh Kiên Giang có Quyết định số 252/QĐ-UB về việc chuyển Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền trực thuộc Công ty Xuất Nhập khẩu Thủy Sản Kiên Giang thành Công ty cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền, tên giao dịch đối ngoại là NGOPREXCO.
- Ngày 25/02/2005 Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền thông qua điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đồng thời bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ I.

- Đại diện Sở Tài chính – Phòng Quản lý Doanh nghiệp, Công ty XNK Thủy sản Kiên Giang chính thức bàn giao giá trị doanh nghiệp tính đến hết ngày 31/03/2005 cho Công ty cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền với:
  - Vốn điều lệ : 10.000.000.000 đồng
- Trong đó:
  - o Vốn cố định : 3.511.670.076 đồng
  - o Vốn lưu động : 6.488.329.924 đồng
- Công ty cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền chính thức đi vào hoạt động vào ngày 01/04/2005.
- Căn cứ Quyết định số 2090/ QĐ-UB ngày 18/10/2005 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc chuyển quyền sở hữu vốn Nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp về Công ty Thương mại Kiên Giang nay là Công ty Du lịch – Thương mại Kiên Giang.
- Được sự chấp thuận của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang ngày 08/12/2005 tại tờ trình số 230/TT-TM ngày 06/12/2005 của Công ty Thương Mại Kiên Giang về việc xin chủ trương bán tiếp phần vốn Nhà nước tại Công ty chỉ giữ lại 20% vốn điều lệ.
- Trong quá trình hoạt động, công ty đạt nhiều thành tích quan trọng và được Nhà nước và các cơ quan Bộ, Ngành, chính quyền khen thưởng, cụ thể như sau:
  - Năm 1994: Huân chương lao động hạng III và Bằng khen của Bộ Thủy sản.
  - Năm 1999: Cờ thi đua của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh về thành tích là “đơn vị thi đua xuất sắc”.
  - Năm 2002: Huân chương lao động hạng II.
  - Năm 2004: Bằng khen của Bộ Lao động Thương binh Xã hội.
  - Năm 2005 Bằng khen của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Kiên Giang.
  - Từ năm 1997 đến năm 2006: Công ty đạt nhiều danh hiệu đơn vị văn minh: “xanh, sạch, đẹp”.

- Là đơn vị sản xuất chế biến thủy sản xuất khẩu, quản lý chất lượng sản phẩm theo chương trình HACCP. Công ty đã được Cục Quản lý chất lượng An toàn vệ sinh thực phẩm và Thú y Thủy sản – Bộ Thủy sản công nhận: Doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh trong chế biến thủy sản, mã số Code DL 407. Công ty được xuất khẩu trực tiếp vào các thị trường Châu Âu, Mỹ, Hàn Quốc, Trung Quốc.
- Sản phẩm của Công ty có mặt tại các thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, Anh, Ý, Bỉ, Tây Ban Nha, Pháp, Thụy Sĩ, Úc.

## **1.2. Giới thiệu về Công ty**

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền
- Tên tiếng Anh: NGOQUYEN PROCESSING EXPORT JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: NGOPREXCO



- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng chẵn)
- Trụ sở chính: 326 – 328 Ngô Quyền, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang
- Điện thoại: 077.866.228
- Fax: 077.924.331
- Email: ngoprexco@vnn.vn
- Giấy CNĐKKD: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5603000043 đăng ký lần đầu ngày 23/03/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 24/05/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Kiên Giang cấp.
- Ngành nghề kinh doanh:
  - Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản
  - Mua bán cá và thủy sản.
  - Chế biến sản phẩm từ ngũ cốc.

- Xuất nhập khẩu phụ gia, vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành khai thác chế biến thủy sản.

## **2. Các đơn vị trực thuộc**

### **Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh**

- Địa chỉ: 73 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 08.8254517
- Fax: 08.8254517
- Nội dung hoạt động của văn phòng đại diện là giao dịch và tiếp thị.
- Giấy phép hoạt động kinh doanh số 4123002853, đăng ký lần I vào ngày 19/09/2006 do Sở Kế hoạch - Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

## **3. Cơ cấu tổ chức Công ty**

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm trụ sở chính và một văn phòng đại diện.

- Trụ sở chính của Công ty tọa lạc tại địa chỉ số 326 Ngô Quyền, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang bao gồm các phòng ban như: văn phòng của Ban giám đốc điều hành, phòng nghiệp vụ, phòng kế hoạch, phòng kỹ thuật, phân xưởng sản xuất.
- Văn phòng đại diện là căn nhà thuê tại 73 Tôn Thất Thuyết, Phường 16, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung hoạt động chính là giao dịch và tiếp thị.

## **4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty**

- **Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông ủy quyền. Đại hội đồng cổ đông có các quyền hạn sau :
  - Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
  - Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
  - Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
  - Thông qua các báo cáo tài chính của Công ty;
  - Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản, các hợp đồng của Công ty có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp, từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản với những đối tượng khác (tổng giá trị tài sản được tính bao gồm tài sản của Công ty và các chi nhánh Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất);
  - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - Phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc hoặc việc Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời làm Giám đốc;
  - Quyết định mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
  - Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
- **Hội đồng quản trị:** Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng quản trị có các quyền hạn và trách nhiệm sau:
- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
  - Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
  - Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
  - Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
  - Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
  - Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
  - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
  - Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
  - Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- **Ban kiểm soát:** Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền hạn và trách nhiệm sau:
- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
  - Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
  - Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
  - Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
  - Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;



- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;
  - Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
  - Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
- **Ban Giám Đốc:** Giám Đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Giám Đốc có nhiệm vụ:
- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
  - Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
  - Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
  - Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.
  - Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
  - Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
  - Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm

cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc và pháp luật.

- **Các phòng ban nghiệp vụ:** các phòng, ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Giám Đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Giám Đốc. Công ty hiện có 03 phòng và 01 văn phòng đại diện với chức năng được quy định như sau:

**Phòng nghiệp vụ:**

- Tham mưu cho Giám đốc trong việc xây dựng các quy chế, quy định về quản lý tài chính của Công ty, xây dựng kế hoạch vốn để phục vụ cho sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính định kỳ theo quy định Nhà nước.
- Xây dựng và theo dõi thực hiện kế hoạch về đơn giá tiền lương, chi phí chế biến các mặt hàng và giá thành sản phẩm cho từng loại đang sản xuất tại công ty
- Tham mưu cho Giám đốc trong việc tuyển dụng và bố trí nhân sự cho cán bộ công nhân viên và công nhân lao động, theo dõi thực hiện tốt các chính sách về lao động tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, và các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Nhà nước.
- Xây dựng kiểm tra theo dõi việc thực hiện các chi phí hành chính như văn phòng phẩm, điện nước và điện thoại cơ quan...trên tinh thần tiết kiệm và chống lãng phí.

**Phòng kế hoạch**

- Tham mưu cho Ban Giám đốc công ty trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm, quý, tháng và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch.
- Quản lý vật tư hàng hoá, thành phẩm. Cung ứng nguyên vật liệu, các loại vật tư, bao bì, hoá chất phục vụ cho sản xuất kinh doanh.
- Quản lý, điều hành hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá của đơn vị.

- Xây dựng các định mức tiêu hao nguyên liệu vật tư trong chế biến và giám sát việc thực hiện các định mức đó.
- Xây dựng và hướng dẫn cá quy trình kỹ thuật chế biến, hướng dẫn kiểm tra việc quản lý chất lượng sản phẩm theo chương trình HACCP tại đơn vị.

**Phòng kỹ thuật:**

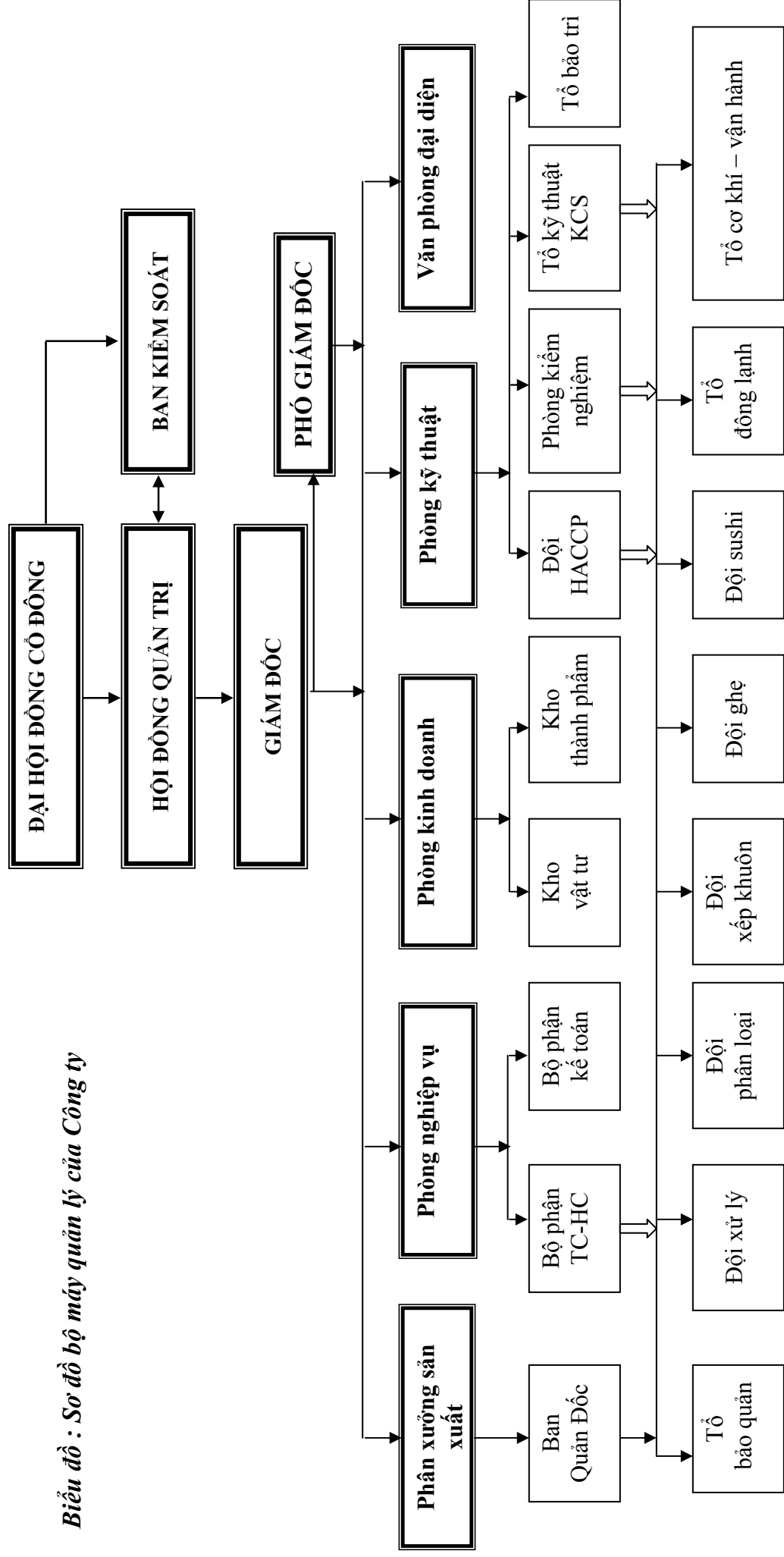
- Tham mưu cho Ban Giám đốc về mặt kỹ thuật trong công tác xây dựng hệ thống quy chế, quy định thực hiện các quy phạm sản xuất; lập và hướng dẫn thực hiện các quy trình chế biến; quản lý, kiểm tra định mức chế biến, định mức sử dụng vật tư bao bì; Nghiên cứu chế biến mặt hàng mới; Quản lý điều hành bộ phận HACCP, trực tiếp điều hành tổ bảo trì và lập kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị; Bảo trì nhà xưởng đảm bảo đủ điều kiện sản xuất theo quy định.
- Tham gia đàm phán, giao dịch với khách hàng về quy trình chế biến, mẫu mã bao bì; Trực tiếp liên hệ với các khách hàng cung cấp vật tư bao bì, kết hợp với văn phòng đại diện Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo cung ứng vật tư bao bì đầy đủ kịp thời cho sản xuất. Tổ chức giám sát, kiểm tra kỹ thuật chế biến trong phân xưởng và điều hành nhân viên kiểm tra chất lượng sản phẩm để sản xuất hàng xuất khẩu ngoài công ty.
- Tham mưu cho Ban Giám đốc trong việc thiết kế mẫu mã bao bì, các biện pháp cải tiến quy trình kéo theo giảm định mức chế biến, định mức sử dụng vật tư.

**Văn phòng đại diện:**

- Tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Tham mưu cho Ban Giám đốc trong công tác tiếp thị, mở rộng kinh doanh xuất nhập khẩu, trực tiếp đàm phán giao dịch với khách hàng về hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá, vật tư và tiêu thụ hàng nội địa.
- Kết hợp với phòng kế hoạch, kỹ thuật công ty tổ chức, liên hệ với các cơ quan liên quan tại thành phố Hồ Chí Minh trong công tác giao nhận hàng xuất khẩu và tiếp nhận vật tư hàng hoá nhập khẩu của công ty. Thực hiện nhiệm vụ hợp đồng mua, tiếp nhận và thuê vận chuyển hàng hoá, vật tư bao bì phục vụ cho nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

**Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty thể hiện qua biểu đồ sau:**

**Biểu đồ : Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty**



**Ghi chú:** ↓ : Bộ phận trực thuộc

⇓ : Liên hệ giám sát kỹ thuật, nhân sự

**5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ**

**Bảng 1: Cơ cấu vốn cổ phần trước khi niêm yết tính đến thời điểm 31/08/2006**

<b>STT</b>	<b>Cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Giá trị (đồng)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>I</b>	<b>Cổ đông Nhà nước</b>	<b>200.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>20,00</b>
<b>II</b>	<b>Cổ đông nội bộ</b>	<b>262.450</b>	<b>2.624.500.000</b>	<b>26,25</b>
1	HĐQT	251.900	2.519.000.000	25,19
2	Ban kiểm soát	10.550	105.500.000	1,06
<b>III</b>	<b>Cán bộ công nhân viên</b>	<b>91.800</b>	<b>918.000.000</b>	<b>9,18</b>
<b>IV</b>	<b>Cổ đông ngoài công ty</b>	<b>445.750</b>	<b>4.457.500.000</b>	<b>44,58</b>
1	Trong nước	445.750	4.457.500.000	44,58
1.1	Tổ chức	403.400	4.034.000.000	40,34
1.2	Cá nhân	42.350	423.500.000	4,24
2	Nước ngoài	-	-	-
<b>V</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: NGOPREXCO)

Ghi chú: Trong các thành viên HĐQT có 03 thành viên kiêm nhiệm các chức vụ khác trong công ty. Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc, Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó giám đốc, 01 thành viên HĐQT kiêm kế toán trưởng. Do vậy, số cổ phần ở mục II.1 đã bao gồm số cổ phần của các thành viên Ban giám đốc và kế toán trưởng.

### 5.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tính đến thời điểm 31/08/2007 như sau:

**Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Đại diện vốn nhà nước: Công ty Du lịch Thương mại Kiên Giang do ông Huỳnh Châu Sang đại diện	190 Trần Phú, Rạch Giá, Kiên Giang	200.000	2.000.000.000	20,00
2	Công ty TNHH Kiên Hùng I	Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, Châu Thành, Kiên Giang	150.000	1.500.000.000	15,00
3	Đặng Minh Luân	154 Huỳnh Văn Bánh, P.12, Q. Phú Nhuận, TpHCM	78.200	782.000.000	7,82
4	Nguyễn Quang Kim	128827 Hoàng Văn Thụ, Vũng Tàu	70.000	700.000.000	7,00
5	Nguyễn Thanh Hùng	522/12 Trương Định, P.9, Q.3, TPHCM	65.850	658.500.000	6,59
<b>Tổng cộng</b>			<b>564.050</b>	<b>5.640.500.000</b>	<b>56,41</b>

Nguồn: NGOPREXCO

### 5.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Căn cứ vào Giấy CNĐKKD Số 5603000043 đăng ký lần đầu ngày 23/03/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 24/05/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Kiên Giang cấp thì danh sách cổ đông sáng lập của Công ty gồm:

**Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
-----	-------------	---------	------------	----------------	-----------

1	<b>Đại diện vốn nhà nước: Công ty Thương mại Kiên Giang do ông Huỳnh Châu Sang đại diện</b>	190 Trần Phú, Vĩnh Thanh Vân, Rạch Giá, Kiên Giang	200.000	2.000.000.000	20,00
2	Ông Quách Trường Thọ	Số 202/37, tổ 37, P. Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương	10.000	100.000.000	1,00
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Lô 28B, Khu 36 căn, Chi Lăng, P. Vĩnh Bảo, Rạch Giá, Kiên Giang	10.000	100.000.000	1,00
<b>Tổng cộng</b>			<b>220.000</b>	<b>2.200.000.000</b>	<b>22,00</b>

Tuy nhiên, Đại hội cổ đông thường niên Công ty ngày 26/01/2007 đã thống nhất thông qua việc cho phép ông Quách Trường Thọ và bà Nguyễn Thị Thanh Thủy chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần nói trên cho ông Đặng Minh Luân. Và việc chuyển nhượng đã hoàn tất. Như vậy, đến thời điểm hiện tại cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

**Bảng 4: Danh sách cổ đông sáng lập thực tế**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	<b>Đại diện vốn nhà nước: Công ty Thương mại Kiên Giang do ông Huỳnh Châu Sang đại diện</b>	190 Trần Phú, P. Vĩnh Thanh Vân, Rạch Giá, Kiên Giang	200.000	2.000.000.000	20,00
2	<b>Đặng Minh Luân</b>	154 Huỳnh Văn Bánh, P.12, Q. Phú Nhuận, TpHCM	20.000	200.000.000	2,00
<b>Tổng cộng</b>			<b>220.000</b>	<b>2.200.000.000</b>	<b>22,00</b>

Ghi chú: ông Đặng Minh Luân hiện đang sở hữu 78.200 cổ phần trong đó có 20.000 cổ phần được nhận chuyển nhượng từ hai cổ đông sáng lập đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua

Theo khoản 5 Điều 84 Luật doanh nghiệp năm 2005 thì “Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của công ty”.

**6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức xin niêm yết, những công ty mà tổ chức xin niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức xin niêm yết**

Không có

**7. Hoạt động kinh doanh**

Các mảng hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Chế biến bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản
- Mua bán cá và thủy sản.
- Chế biến sản phẩm từ ngũ cốc.
- Xuất nhập khẩu phụ gia, vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành khai thác chế biến thủy sản.

Trong đó hoạt động sản xuất chế biến và xuất khẩu hàng thủy sản là hoạt động chủ yếu của công ty. Doanh thu từ hoạt động xuất khẩu hàng thủy sản chiếm hơn 92% doanh thu của công ty. Các sản phẩm chính của công ty như: mực lá, mực nang, mực ống, bạch tuộc, ghẹ, cá và một số loại khác.



Một số sản phẩm của công ty



Bạch tuộc



Mực lá Fillet đông cuốn



Mai nhòì thịt ghe



Mực lá nguyên liệu



Ghe nguyên liệu



Bánh Cá đồng



Cá thu cắt khoanh



Seafoodmix

## 7.1. Sản lượng sản phẩm

### 7.1.1. Sản lượng sản phẩm

**Bảng 5: Sản lượng và tỷ trọng sản phẩm sản xuất năm 2005 và năm 2006**

STT	Nhóm sản phẩm	2006			2005		
		Sản lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Tỷ trọng (%)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Tỷ trọng (%)
1.	Mực lá	234,20	1.414.398	14,60	266,15	1.192.454	27,01
2.	Mực nang	305,04	1.378.258	19,02	171,42	818.989	17,40
3.	Mực ống	62,79	251.103	3,91	36,22	142.111	3,68
4.	Bạch tuộc	586,70	1.320.964	36,57	229,50	474.557	23,29
5.	Ghẹ	367,83	1.392.412	22,93	279,81	1.056.888	28,40
6.	Cá và loại khác	47,61	107.638	2,97	2,16	6.880	0,22
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.604,16</b>	<b>5.864.772</b>	<b>100,00</b>	<b>985,26</b>	<b>3.691.880</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: NGOPREXCO

- Sản phẩm của Công ty nhìn chung khá đa dạng, các sản phẩm chính chủ yếu là mực, bạch tuộc, ghẹ. Trong đó các sản phẩm chế biến từ mực chiếm tỷ trọng cao và giá trị sản xuất có xu hướng tăng dần qua các năm.

### 7.1.2. Doanh thu

**Bảng 6: Sản lượng và doanh số xuất khẩu của Công ty theo mặt hàng**

STT	Nhóm sản phẩm	2006			2005		
		Sản lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Tỷ trọng (%)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Tỷ trọng (%)
1.	Mực lá	219,16	1.387.315	13,56	281,27	1.212.076	28,73
2.	Mực nang	305,60	1.451.909	18,91	144,01	703.958	14,71
3.	Mực ống	70,29	306.676	4,35	28,18	104.406	2,88
4.	Bạch tuộc	599,70	1.463.924	37,11	223,78	402.165	22,86

5.	Ghẹ	383,90	1.674.044	23,76	301,84	922.279	30,83
6.	Cá và loại khác	37,27	119.366	2,31	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.615,91</b>	<b>6.403.235</b>	<b>100,00</b>	<b>979,08</b>	<b>3.344.884</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: NGOPREXCO

- Nhìn chung, giá trị xuất khẩu của các mặt hàng có xu hướng tăng qua các năm, các mặt hàng chủ lực vẫn chiếm tỷ trọng khá cao, trong đó đặc biệt mặt hàng bạch tuộc được khách hàng nước ngoài ưu chuộng. Do vậy, sản lượng, giá trị xuất khẩu và tỷ trọng của mặt hàng này tăng mạnh trong năm 2006.

**Bảng 7: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2006		Năm 2005	
		Giá trị	%	Giá trị	%
1	Doanh thu xuất khẩu	109.528.921.738	99,04	53.220.844.853	75,05
2	Doanh thu nội địa	1.181.875.305	1,07	17.693.742.249	24,95
3	Giảm giá hàng bán	(119.628.103)	(0,11)	-	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>110.591.168.940</b>	<b>100,00</b>	<b>70.914.587.102</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2006

- Xuất khẩu là hoạt động chủ yếu của Công ty, do vậy doanh thu đến từ khu vực này chiếm tỷ trọng lớn nhất, hơn 99% doanh thu hoạt động kinh doanh của Công ty. Thị trường xuất khẩu quan trọng là Nhật Bản, Hàn Quốc, thị trường Châu Âu... Ngoài ra, Công ty đang trong quá trình tìm kiếm thêm nhiều thị trường ở những khu vực tăng trưởng khác.

## 7.2. Nguyên vật liệu

### 7.2.1. Nguồn nguyên vật liệu

- Mực, bạch tuộc, ghẹ là nguyên liệu chính trong hoạt động chế biến đông lạnh xuất khẩu của công ty. Công ty có nhiều thuận lợi nhờ nguồn nguyên liệu phong phú tại chỗ và các vùng lân cận. Kiên Giang có vùng biển rộng và dài, lại nằm trong vùng khai thác thủy hải sản chính của Đồng bằng sông Cửu Long. Nguồn nguyên liệu được Công ty mua trực tiếp từ các ngư dân và các đại lý trong, ngoài tỉnh và có sẵn quanh năm.

- Để đảm bảo có được nguồn nguyên liệu sạch đáp ứng các yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm, công ty luôn kiểm soát chặt chẽ nguồn nguyên liệu đầu vào như lấy mẫu kiểm tra hoá chất, kháng sinh, kiên quyết không đưa các sản phẩm không rõ nguồn gốc vào chế biến sản phẩm xuất khẩu, thực hiện nghiêm chỉnh quy trình quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm theo HACCP.
- Ngoài ra, Công ty cũng đang trong quá trình xây dựng phòng kiểm nghiệm nhằm giảm chi phí kiểm tra hoá chất và kiểm soát chặt chẽ hơn nguồn nguyên liệu đầu vào, đảm bảo đủ tiêu chuẩn chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm.

### 7.2.2. Sự ổn định của các nguồn cung cấp nguyên vật liệu

- Vùng biển Kiên Giang có diện tích 63.290 Km<sup>2</sup>, với nguồn nguyên liệu hải sản dồi dào, phong phú về chủng loại, ngư trường khai thác thuận lợi. Theo tài liệu của Viện nghiên cứu biển Việt Nam thì trữ lượng hải sản của Kiên Giang ước tính khoảng 460 nghìn tấn/năm, khả năng khai thác cho phép là 44%, ước tính khoảng 200 nghìn tấn/năm. Ngoài ra, tỉnh còn mở rộng khai thác ngư trường biển Đông Nam Bộ có sản lượng khai thác khoảng 120 ngàn tấn/năm.
- Với các điều kiện thuận lợi trên, Kiên Giang có nguồn nguyên liệu hải sản ổn định, đủ khả năng cung cấp cho các nhà máy chế biến thủy hải sản đang hoạt động trên địa bàn. Dưới đây là số liệu kế hoạch phát triển Thủy sản giai đoạn 2006-2010 của Sở Thủy sản Kiên Giang về khai thác thủy sản:

**Bảng 8: Kế hoạch phát triển thủy hải sản tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2006-2010**

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2006	KH 2007	KH 2008	KH 2009	KH 2010
Tổng số phương tiện	Chiếc	7.330	7.250	7.200	7.150	7.100
Tổng công suất	CV	1.173.450	1.196.250	1.218.000	1.305.000	1.341.250
Tổng sản lượng khai thác	Tấn	311.620	315.000	319.280	324.000	357.000
Tổng sản lượng thu mua	Tấn	106.600	134.250	144.600	163.400	180.500

Nguồn: NGOPREXCO

- Hàng ngày, Công ty luôn tổ chức một đội thu mua thường xuyên có mặt tại các cảng khai thác để nắm bắt sản lượng khai thác, giá cả, báo cáo và tiến hành thu mua nguyên liệu. Một đặc điểm nổi bật mà công ty lợi thế so với các công ty khác trong khu vực là công ty có mối quan hệ truyền thống lâu năm với nhiều ngư dân, đại lý. Và nhờ thủ tục thanh toán nhanh chóng với phương thức “tiền trao cháo múc”, đảm bảo cho đồng vốn cho ngư dân được xoay vòng nhanh chóng nên đã tạo lòng tin và uy tín cho ngư dân đối với Công ty.
- Vì vậy, cho dù trong những mùa vụ khai thác không thuận lợi, công ty vẫn có đủ nguyên liệu để sản xuất nhờ “mối bạn hàng” cung cấp thường xuyên, ổn định với giá cả hợp lý.

### **7.2.3. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu, lợi nhuận**

- Trong ngành chế biến thủy sản nói chung, cũng như đối với Công ty nói riêng thì chi phí nguyên vật liệu chiếm một tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá thành sản phẩm (khoảng hơn 70%). Do vậy, một khi giá cả nguyên vật liệu biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp kết quả doanh thu và lợi nhuận của công ty.
- Trong điều kiện giá bán không đổi thì khi giá của nguyên liệu tăng thì lợi nhuận của công ty giảm và ngược lại khi giá nguyên liệu giảm làm cho lợi nhuận doanh nghiệp tăng. Do vậy, ban lãnh đạo công ty luôn tập trung cao cho việc tạo nguồn nguyên liệu nhằm để giảm thiểu tác động giá cả nguyên liệu đến kết quả kinh doanh.

### **7.3. Thị trường tiêu thụ**

**Bảng 9: Cơ cấu thị trường của Công ty trong những năm 2005 và năm 2006**

STT	Thị trường	Năm 2006		Năm 2005	
		Kim ngạch (USD)	Tỷ trọng (%)	Kim ngạch (USD)	Tỷ trọng (%)

1.	Nhật	3.613.345,51	56,43	2.174.174,60	65,00
2.	Hàn Quốc	713.960,70	11,15	200.693,04	6,00
3.	Đài Loan	621.113,80	9,70	133.795,36	4,00
4.	EU	688.347,76	10,75	668.976,80	20,00
5.	Khác	766.467,23	11,97	167.244,20	5,00
<b>Tổng cộng</b>		<b>6.403.235,00</b>	<b>100,00</b>	<b>3.344.884,00</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: NGOPREXCO

- Kim ngạch xuất khẩu ở các thị trường đều tăng mạnh, trong đó Nhật Bản luôn chiếm vị trí dẫn đầu. Tuy nhiên, tỷ trọng xuất khẩu vào thị trường Nhật và EU giảm mạnh, trong khi đó, tỷ trọng vào các thị trường Hàn Quốc, Đài Loan, thị trường khác lại tăng. Điều này cũng dễ hiểu bởi lẽ Công ty đang trong quá trình tìm kiếm, mở rộng phạm vi xuất khẩu nhằm đa dạng hoá thị trường trong khi vẫn duy trì khách hàng các khách hàng truyền thống.

#### 7.4. Chi phí sản xuất

**Bảng 10: Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố** Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Yếu tố chi phí	Năm 2006		Năm 2005 <sup>(1)</sup>	
		Giá trị	%	Giá trị	%
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91.276,36	85,36	59.583,21	87,18
2	Chi phí nhân công	6.008,24	5,62	3.681,32	5,39
3	Chi khấu hao TSCĐ	847,57	0,79	569,47	0,83
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.648,02	4,35	2.983,82	4,37
5	Chi phí khác	4.148,29	3,88	1.527,86	2,24
<b>Tổng cộng</b>		<b>106.928,48</b>	<b>100,00</b>	<b>68.345,68</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: NGOPREXCO

<sup>(1)</sup>: Năm 2005: Công ty bắt đầu hoạt động chính thức từ ngày 01/04/2005.

Qua bảng trên ta thấy các yếu tố chi phí sản xuất năm 2006 đều tăng nhiều so với năm 2005 vì các lý do sau:

- Niên độ kế toán tính cho năm 2005 bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 31 tháng 12 năm 2005.
- Sản lượng khai thác các mặt hàng hải sản như mực, bạch tuộc, ghẹ trong Quý I thường không cao, do tình hình khai thác ngư dân không thuận lợi nên công ty phải thu mua nguyên liệu qua đại lý ở các vùng lân cận, làm cho giá cả có sự biến động so với các quý khác trong năm nên phần nào làm cho chi phí nguyên liệu năm 2006 tăng nhiều so với năm 2005.

### **7.5. Trình độ công nghệ**

- Bên cạnh các máy móc thiết bị cũ thường xuyên phải duy tu, nâng cấp, đổi mới kỹ thuật và bảo dưỡng định kỳ nhằm để đảm bảo cho máy móc được hoạt động tốt, tránh những trục trặc có thể xảy ra, công ty cũng đã đầu tư mới một số loại máy chuyên dùng với công nghệ khá hiện đại so với một số doanh nghiệp cùng ngành trong khu vực với nhiều ưu điểm như rút ngắn thời gian cấp đông, giảm hao phí điện năng, giảm định mức nguyên liệu làm giảm chi phí sản xuất, đáp ứng khả năng đa dạng hóa sản phẩm đồng thời gia tăng sản lượng chế biến và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Hiện tại, các loại thiết bị cũ đã hoạt động hết công suất và các loại máy móc mới đầu tư trong thời gian gần đây hoạt động chỉ mới đạt khoảng 70% công suất thiết kế. Với kế hoạch đầu tư tài sản cố định từ năm 2007-2009, công ty chủ trương sẽ thay thế hoàn toàn các thiết bị cũ bằng những công nghệ tiên tiến hơn với công suất thiết kế lớn hơn để tăng sản lượng chế biến và nâng cao chất lượng sản phẩm. Ngoài các loại máy chuyên dùng như các loại tủ đông tiếp xúc, băng chuyền IQF, tủ đông gió, máy hút chân không, máy rà kim loại... còn có các loại máy móc thiết bị khác phục vụ sản xuất chế biến như máy phát điện, hệ thống hạ thế lưới điện, hệ thống nước ngầm và xử lý nước sạch, các máy móc thiết bị sản xuất chế biến chả cá, bao gói sản phẩm...

**Bảng 11: Một số loại máy móc chuyên dùng mà công ty đang sử dụng**

<b>STT</b>	<b>Máy chuyên dùng</b>	<b>Công dụng</b>	<b>Công nghệ</b>	<b>Công suất</b>	<b>Xuất xứ</b>
01	02 Tủ đông tiếp xúc 1.056 kgsp/mé	Cấp đông sản phẩm	Bán tự động	2.000 tấn sp/năm	Tủ Việt Nam, máy Nhật

02	01 Tủ đông tiếp xúc 600 kgsp/mẻ	Cấp đông sản phẩm	Bán tự động	250 tấn sp/năm	Tủ Việt Nam, máy Nhật
03	01 Tủ đông tiếp xúc 300 kgsp/mẻ	Cấp đông sản phẩm	Bán tự động	150 tấn sp/năm	Tủ Việt Nam, máy Nhật
04	01 Băng chuyền cấp đông IQF 250 kgsp/giờ	Cấp đông sản phẩm	Bán tự động	700 tấn sp/năm	Băng chuyền Việt Nam, máy Nhật
05	01 Tủ đông gió 250 kgsp/giờ	Cấp đông sản phẩm	Bán tự động	250 tấn sp/năm	Tủ Việt Nam, máy Nhật
06	02 Máy hút chân không	Bao gói sản phẩm	Bán tự động		Đài Loan, Nhật
07	02 Máy rà kim loại	Kiểm tra chất lượng sản phẩm	Bán tự động		Nhật

(Nguồn: NGOPREXCO)

### **7.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

- Việc nghiên cứu làm thế nào để cải thiện chất lượng sản phẩm được ban lãnh đạo công ty quan tâm đúng mức. Các cán bộ kỹ thuật thường xuyên tìm tòi, sáng tạo, nghiên cứu cải tiến ban hành quy trình sản xuất mới hiệu quả hơn trên cơ sở các quy trình sẵn có nhằm để giảm hao phí nguyên liệu, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất lao động.
- Ngoài ra, công ty cũng đang nghiên cứu thành lập phòng kiểm nghiệm vệ sinh thực phẩm đối với nguồn nguyên liệu đầu vào. Một khi phòng kiểm nghiệm đi vào hoạt động sẽ mang lại nhiều hiệu quả cho công ty như: kiểm soát được sự an toàn của nguồn nguyên liệu đầu vào, giúp công ty giảm được nhiều chi phí liên quan đến vấn đề kiểm nghiệm, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh...
- Bên cạnh đó, công ty cũng đang quan tâm đến sự phát triển của các mặt hàng mới, các mặt hàng giá trị gia tăng đáp ứng cho các thị trường EU, Nhật Bản, Hàn Quốc...



## **7.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm**

### **7.7.1. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng**

- Trong lĩnh vực xuất khẩu thủy sản, chất lượng sản phẩm được ví như “chìa khoá vàng” để thâm nhập vào các thị trường thế giới. Do vậy, việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về quản lý chất lượng theo hệ thống HACCP được công ty đặt lên hàng đầu. Qua đợt kiểm tra của NAFIQAVED phân xưởng sản xuất của Công ty đảm bảo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm và chính thức được cấp EU code xuất khẩu vào các thị trường EU, tạo cơ sở cho việc thâm nhập vào thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc...
- Ngoài ra, Công ty cũng đang chuẩn bị phương án xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO nhằm để chuyên nghiệp hoá hoạt động sản xuất, nâng cao trình độ quản lý...

### **7.7.2. Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty**

- Chất lượng sản phẩm là yếu tố quan trọng hàng đầu mà công ty luôn quan tâm. Việc quản lý chất lượng sản phẩm của công ty được đảm nhiệm bởi một tổ kỹ thuật kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS) gồm 25 người trong đó bố trí đều ở các khâu từ khâu nguyên liệu đến khâu đầu ra sản phẩm, các cán bộ KCS có nhiệm vụ phải kiểm tra, giám sát sản phẩm qua từng khâu chế biến. Tại các khâu chế biến, sản phẩm được kiểm tra một cách nghiêm ngặt, các sản phẩm đạt mới được đưa sang khâu tiếp theo. Trước khi đóng gói, sản phẩm phải được kiểm tra một lần nữa, đảm bảo chất lượng trước khi xuất kho.
- Nhờ có quy trình sản xuất khép kín và được kiểm tra, giám sát một cách chặt chẽ nên sản phẩm của công ty vừa được Cục Quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh và thú y thủy sản của Bộ Thủy sản công nhận là cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản đạt tiêu chuẩn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và đạt loại A đối với các sản phẩm: mực, bạch tuộc, ghe đông lạnh; cá đồng, cá hổ, cá chim đen, cá nhám đông lạnh.

## **7.8. Hoạt động Marketing, Nhãn hiệu hàng hóa**

- Mặc dù, hiện nay công ty chưa có bộ phận Marketing chuyên trách. Tuy nhiên, công tác này luôn được công ty chú trọng quan tâm, công tác này được điều hành trực tiếp

bởi các cán bộ quản lý có nhiều kinh nghiệm như Phó giám đốc công ty, trưởng phòng kế hoạch.

- Trên cơ sở củng cố mối quan hệ tốt đẹp bền vững với các khách hàng truyền thống đồng thời đẩy mạnh công tác tiếp thị bán hàng, tìm kiếm khách hàng mới, thị trường mới. Nhờ vậy mà năm 2006 thị trường xuất khẩu của Công ty được mở rộng với mức tăng trưởng đạt 159% so với năm 2005, trong đó thị trường Nhật Bản chiếm 65%, thị trường Châu Âu 20%, còn lại là thị trường Hàn Quốc, Đài Loan, Hong Kong 15%.
- Ngoài ra, trong những năm qua, hàng năm công ty cũng đã tham gia nhiều hội chợ thủy sản trong và ngoài nước. Công ty cũng đang trong quá trình tạo dựng hình ảnh mới, đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại bằng việc hình thành trang Web riêng. Dự kiến khi trang Web đi vào hoạt động thì thương hiệu của công ty được nhiều khách hàng biết đến, việc bán hàng của công ty được nhiều thuận lợi hơn, có thể nghiên cứu việc bán hàng qua mạng trong tương lai.

## **7.9. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

Biểu tượng và logo đăng ký nhân hiệu



Logo công ty cũng đã được Cục Sở hữu trí tuệ của Bộ Khoa học và công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký bảo hộ bản quyền số 75899 ngày 09/10/2006.

## **8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 02 năm gần nhất**

### **8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 02 năm gần nhất**

**Bảng 12: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh**

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	% tăng giảm	6 tháng/2007
1	Tổng giá trị tài sản	15.981.272.753	21.046.443.826	31,69	34.867.150.237
2	Doanh thu thuần	70.914.587.102	110.591.168.940	55,95	68.682.426.128
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.936.461.902	3.489.830.415	18,84	2.112.334.867
4	Lợi nhuận khác	9.721	24.821.331		416.171.558
5	Lợi nhuận trước thuế	2.936.471.623	3.514.651.746	19,69	2.528.506.425
6	Lợi nhuận sau thuế <sup>(1)</sup>	2.936.471.623	3.514.651.746	19,69	2.174.515.525
7	Tỷ lệ cổ tức (%)	18,16	19,27	-	7,20

Nguồn: trích Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của NGOPREXCO năm 2005 và 2006, báo cáo tài chính 6 tháng năm 2007 do doanh nghiệp lập và tổng hợp từ NGOPREXCO)

<sup>(1)</sup>: Theo thông báo của Cục thuế tỉnh Kiên Giang số 112/TB-CT ngày 02/08/2005 về việc miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thì thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp mà Công ty được áp dụng là 28% và Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 03 năm tiếp theo. Trong năm 2005 và năm 2006 Công ty đã được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, như vậy Công ty sẽ được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2007, năm 2008, năm 2009.

- Thuế TNDN năm 2005 được ưu đãi 100% là:  $2.936.471.623 \times 28\% = 822.212.054$  đồng.
- Thuế TNDN năm 2006 được ưu đãi 100% là:  $3.514.651.746 \times 28\% = 984.102.489$  đồng.
- Thuế TNDN 06 tháng năm 2007 ưu đãi 50% là:  $2.528.506.425 \times 14\% = 353.990.900$  đồng.

Thuế TNDN được ưu đãi, Công ty đã bổ sung Quỹ Đầu tư phát triển để mua sắm máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng lực sản xuất

## 8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

### Thuận lợi

- Sự ủng hộ quan tâm của các cơ quan ban ngành chức năng trong tỉnh, đặc biệt là được hưởng miễn giảm thuế thu nhập đối với doanh nghiệp mới cổ phần hoá.

- Năng lực và trình độ của cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật cũng từng bước nâng lên rõ rệt, đáp ứng ngang tầm nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- Điều kiện nhà xưởng sản xuất được cải thiện một cách rõ rệt đáp ứng đủ điều kiện sản xuất các mặt hàng có giá trị cao, chất lượng sản phẩm luôn được giữ ổn định và cải tiến nâng cao, thị trường xuất khẩu được mở rộng, uy tín và vị thế sản phẩm của Công ty đã được khách hàng biết đến và chấp nhận.
- Có mối quan hệ tốt đẹp với các khách hàng truyền thống trong tiêu thụ sản phẩm và bà con ngư dân trong cung cấp nguyên liệu.
- Sự đoàn kết nhất trí cao trong suy nghĩ và hành động của tập thể cán bộ công nhân viên trong Công ty.

### **Khó khăn**

- Tình trạng nhà xưởng, máy móc, thiết bị còn nhiều hạn chế phải thường xuyên tu dưỡng, bảo trì, sửa chữa tốn nhiều chi phí, tiêu hao nhiệt điện năng ảnh hưởng đến chi phí sản xuất.
- Tình trạng sử dụng bao bì tạm còn nhiều, công nhân chưa ý thức triệt để tiết kiệm trong sử dụng vật tư, hoá chất phục vụ sản xuất nên giá thành sản phẩm còn cao, hạn chế phần nào sức cạnh tranh của sản phẩm và hiệu quả sản xuất.
- Năng suất lao động của mỗi cá nhân còn thấp so với mặt bằng chung của các nhà máy đông lạnh nên ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động.

## **9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành**

### **9.1. Vị thế của Công ty trong ngành**

- Tại Kiên Giang hiện có khoảng 30 doanh nghiệp hoạt động trong ngành thủy sản trong đó có khoảng 12 doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh tương tự như NGOPREXCO. Theo đánh giá của doanh nghiệp, thì hiện nay tại Kiên Giang NGOPREXCO đứng trong top 5 các doanh nghiệp xuất khẩu với doanh số hơn 110 tỷ đồng, riêng đối với mặt hàng ghe, công ty tự hào là doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam xuất khẩu mặt hàng này.
- Mặc dù với quy mô vốn điều lệ 10 tỷ đồng là khá nhỏ so với các công ty cùng ngành nhưng NGOPREXCO có nhiều lợi thế như Công ty nằm trong vùng nguyên liệu dồi dào được thiên nhiên ưu đãi, khí hậu thuận lợi, có mối quan hệ truyền thống tốt đẹp với

bà con ngư dân, đảm bảo cung cấp nguyên liệu thường xuyên, công ty được thừa hưởng một lượng lớn khách hàng nhập khẩu nên có thị trường tiêu thụ ổn định, nhu cầu sản phẩm của các đối tác nước ngoài tăng mạnh qua các năm, sản phẩm của công ty ngày càng được nhiều khách hàng biết đến, thương hiệu ngày càng khẳng định.

- Ngoài ra, Công ty có kế hoạch tăng vốn điều lệ để mở rộng hoạt động kinh doanh, xây dựng thêm nhà xưởng, tăng cường đầu tư thêm máy móc thiết bị, nâng cao năng lực sản xuất. Trong thời gian tới, với quy mô lớn hơn, năng lực sản xuất cao hơn, vị thế của công ty sẽ được nâng cao so với các doanh nghiệp cùng ngành.

**Bảng 13: Bảng Phân tích SWOT**

Điểm mạnh	Điểm yếu
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có mối quan hệ tốt và lâu năm với các ngư dân và đại lý cung cấp nguồn nguyên liệu, tạo điều kiện cho công ty ổn định được nguồn nguyên liệu.</li> <li>- Thị trường đầu ra cho các sản phẩm luôn ổn định, khách hàng truyền thống là các nhà nhập khẩu nước ngoài có quan hệ làm ăn lâu năm.</li> <li>- Công ty nhiều năm liên hoạt động trong ngành thủy sản, bộ phận lãnh đạo của công ty là những người có nhiều kinh nghiệm trong ngành.</li> <li>- Chất lượng sản phẩm luôn được đảm bảo, được các thị trường nước ngoài chấp nhận, uy tín của công ty ngày càng được nâng cao.</li> <li>- Thương hiệu của công ty được khẳng định trên thị trường.</li> <li>- Chính sách đãi ngộ cho người lao động tốt, cán bộ công nhân viên gắn bó, đoàn kết.</li> <li>- Đã xây dựng và thực hiện các hệ thống quản</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng suất lao động trong những năm qua nhìn chung còn thấp.</li> <li>- Trình độ tay nghề của công nhân chưa đồng đều, một số bộ phận còn hạn chế do chủ yếu là lao động phổ thông, số lượng lao động đôi khi không ổn định, thường xuyên biến động.</li> <li>- Việc ứng dụng công nghệ thông tin tại doanh nghiệp còn nhiều hạn chế.</li> </ul>

<p>lý chất lượng quốc tế đảm bảo sản phẩm được tiêu thụ trong các hệ thống phân phối lớn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy móc thiết bị ngày càng được cải thiện, hiện nay công ty đang lắp đặt thay thế một số máy móc cũ bằng những công nghệ hiện đại, tiên tiến hơn.</li> </ul>	
<b>Cơ hội</b>	<b>Thách thức</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh tế Việt Nam có những bước tăng trưởng khá ấn tượng, uy tín trên trường quốc tế được nâng cao, hình ảnh Việt Nam được thế giới biết đến, thương hiệu thủy sản Việt Nam đã được lan rộng khắp thế giới.</li> <li>- Được Chính phủ quan tâm, tạo nhiều điều kiện thuận lợi trong các chính sách ưu đãi.</li> <li>- Thu nhập của người dân trong nước cũng như nước ngoài được cải thiện do quá trình phát triển kinh tế nên nhu cầu tiêu dùng, hưởng thụ cũng như thị hiếu của người dân đối với nhu cầu các mặt hàng thủy sản cũng ngày càng tăng cao..</li> <li>- Thủy sản là một trong những ngành hội nhập với kinh tế quốc tế khá sớm. Do vậy, việc nước ta tham gia vào các “sân chơi” quốc tế do quá trình gia nhập WTO sẽ mang lại cho ngành thủy sản nhiều cơ hội để thâm nhập các thị trường trên cơ sở bình đẳng, có lợi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài ngày càng gay gắt.</li> <li>- Tỷ lệ dư lượng kháng sinh trong nguyên liệu đôi khi khó kiểm soát.</li> <li>- Việc cải tiến máy móc, cải thiện công nghệ luôn đặt ra cấp thiết.</li> <li>- Cải thiện trình độ lao động và ổn định nguồn lao động.</li> <li>- Nâng cao uy tín trên thị trường quốc tế, ngày càng cải thiện chất lượng sản phẩm.</li> </ul>

## 9.2. Triển vọng phát triển của ngành

- Ngành thủy sản có mối quan hệ thuận chiều với sự phát triển của nền kinh tế. Khi kinh tế tăng trưởng thì mức sống của người dân được cải thiện, nhu cầu tiêu dùng cũng được

nâng cao, vì thế nhu cầu đối với các mặt hàng thủy sản cũng tăng theo. Kinh tế Việt Nam cũng như thế giới đang trên đà phát triển ổn định, nhanh chóng. Do vậy, ngành thủy sản sẽ tiếp tục có nhiều lợi thế trong tương lai.

- Sự tăng trưởng của ngành thủy sản trong những năm qua là đáng khích lệ. Năm 2005 trị giá xuất khẩu đạt trên 2,7 tỷ USD, gấp 25,8 lần năm 1986, tăng bình quân hàng năm khoảng 21%. Năm 2002 cùng với dầu thô, hàng dệt may, giày dép, thủy sản là một trong bốn nhóm hàng có giá trị xuất khẩu trên 2 tỷ USD/ năm và cũng vào năm này Việt Nam trở thành nước xuất khẩu thủy sản đứng thứ 7 trên thế giới, chỉ sau Trung Quốc, Thái Lan, Na Uy, Mỹ, Canada, Đan Mạch. Thị trường xuất khẩu cũng ngày càng được mở rộng, hiện nay hàng thủy sản Việt Nam có mặt ở 90 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó thị trường trọng điểm là EU, Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan. Từ chỗ không có tên trong danh sách xuất khẩu, thì nay Việt Nam đã nằm trong top mười nước có sản lượng thủy sản xuất khẩu nhiều nhất trên thế giới. Vị thế trên trường quốc tế của ngành thủy sản Việt Nam ngày càng được nâng cao.
- Do ngành thủy sản có vị trí quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế nên được sự quan tâm đặc biệt của Chính phủ trong các chính sách ưu đãi như ưu đãi thuế (thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với máy móc thiết bị tạo thành tài sản cố định, thuế VAT...), ưu đãi về chính sách sử dụng đất và thuê đất. Ngoài ra, ngành thủy sản còn được sự hỗ trợ trong các hoạt động xúc tiến thương mại để phát triển thị trường sản phẩm thủy sản và giải quyết khó khăn, rủi ro khi có biến động đột xuất ảnh hưởng lớn đến việc giữ vững thị trường xuất khẩu thông qua việc thành lập Quỹ Hỗ trợ Phát triển Xuất khẩu thủy sản Việt Nam. Bên cạnh đó, Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) là Hiệp hội ngành nghề được thành lập nhằm tạo tiếng nói chung cho các doanh nghiệp trong ngành, thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu thủy sản.
- Với bờ biển trải dài trên 3260 km và vùng biển rộng trên 1 triệu km<sup>2</sup> có 4.000 hòn đảo lớn nhỏ với nhiều vịnh, vũng; khoảng 2.860 con sông, ngòi và có nhiều hồ tự nhiên lại nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới nên rất thuận lợi cho việc phát triển thủy sản cả trên hai lĩnh vực đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. Không phải bất cứ quốc gia nào cũng có

được điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển thủy sản như Việt Nam. Trung bình cứ 100 km<sup>2</sup> diện tích đất liền lại có 1km chiều dài bờ biển, đây là tỉ lệ rất cao trong số các quốc gia và vùng lãnh thổ có bờ biển. Ngoài ra, ngành thủy sản có một lực lượng lao động dồi dào, trình độ tay nghề ngày càng được cải thiện, công nghệ máy móc được đầu tư một cách đúng mức, cán bộ quản lý có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành, là một trong những ngành sớm hội nhập vào nền kinh tế thế giới.

- Việc gia nhập vào WTO của Việt Nam sẽ mang lại nhiều cơ hội phát triển cho ngành thủy sản trong việc thâm nhập một cách sâu rộng hơn vào thị trường thế giới. Sản phẩm thủy sản Việt Nam có khả năng cạnh tranh nhiều hơn do được đối xử một cách công bằng, bình đẳng hơn.
- Với những lợi thế như trên, ngành thủy sản hứa hẹn sẽ tiếp tục tăng trưởng cao trong tương lai và ngành chế biến thủy sản xuất khẩu của Việt Nam cũng sẽ đạt được những bước phát triển mới.
- Với triển vọng phát triển của ngành thủy sản trong trong thời gian tới thì những định hướng của NGOPREXCO trong tương lai hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển chung của ngành.

## **10. Chính sách đối với người lao động**

### **10.1. Số lượng người lao động trong Công ty**

Tính đến thời điểm 31/05/2007, tổng số lao động của Công ty là 564 người. Cơ cấu lao động của Công ty được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 14: Cơ cấu lao động**

*Đơn vị tính: người*

<b>Phân theo trình độ chuyên môn</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ(%)</b>
- Đại học	14	2,49
- Cao đẳng, Trung cấp	21	3,72



- Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	529	93,79
<b>Phân theo thời hạn hợp đồng lao động</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
- Có xác định thời hạn	514	91,13
- Lao động thời vụ	50	8,87
<b>Tổng cộng</b>	<b>564</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: NGOPREXCO

## 10.2. Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp, các chế độ khác

- Xác định người lao động là nhân tố quyết định đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp nên ngay từ những ngày đầu ban lãnh đạo công ty luôn chú trọng quan tâm đúng mức đến các chính sách ưu đãi cho người lao động.
- **Về chế độ lương:** công ty chủ trương “làm nhiều hưởng nhiều” tuy nhiên vẫn luôn đảm bảo cho người lao động có nguồn thu nhập ổn định. Ngoài phần lương “cứng”, người lao động còn được hưởng thêm phần lương phụ trội do năng suất lao động vượt hơn so với mức đề ra.
- **Về chế độ thưởng:** Bình thường vào dịp cuối năm công ty xét thưởng cho người lao động trên cơ sở bình bầu A, B, C. Bên cạnh đó, công ty còn áp dụng chế độ thưởng đột xuất cho những cá nhân có thành tích xuất sắc, hoặc nếu kết quả kinh doanh tốt công ty sẽ xét thêm cho đợt thưởng giữa năm, đảm bảo cho người lao động có thêm thu nhập đồng thời khuyến khích cán bộ công nhân viên làm việc hết sức mình vì sự phát triển của công ty.
- **Chính sách đào tạo:** việc nâng cao trình độ tay nghề của công nhân được thực hiện trên cơ sở tự đào tạo, người có nhiều kinh nghiệm đào tạo người có ít kinh nghiệm hơn. Bên cạnh đó, hằng năm công ty đều có cử nhiều cán bộ quản lý cũng như công nhân viên tham gia các lớp tập huấn để nâng cao trình độ tay nghề, trình độ quản lý do các trung tâm trong ngoài tỉnh tổ chức. Tất cả các khoản chi phí đào tạo do công ty tài trợ.
- **Chế độ khác:** Ngoài ra công ty còn hỗ trợ cho công nhân chi phí ăn trưa, ăn chiều, thuê nhà cho công nhân ở, đảm bảo vấn đề ăn ở, an ninh cho người lao động. Bên cạnh

đó, công ty còn thực hiện việc đóng hầu hết các khoản bảo hiểm cho người lao động như : bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm sinh mạng, bảo hiểm phẫu thuật.

- Nhìn chung, chế độ đãi ngộ của người lao động luôn được công ty quan tâm chu đáo và ngày càng được cải thiện.

### **11. Chính sách cổ tức**

- Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới.

**Bảng 15: Tỷ lệ cổ tức năm 2005, 2006 và dự kiến năm 2007-2008**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2005</b>	<b>Năm 2006</b>	<b>Năm 2007– 2008</b>
Tỷ lệ cổ tức	18,16%	19,27%	24%
Phương thức thanh toán	Tiền mặt	Tiền mặt	Tiền mặt và cổ phiếu

*Nguồn: NGOPREXCO*

### **12. Tình hình hoạt động tài chính**

#### **12.1. Các chỉ tiêu cơ bản**

- Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Riêng năm 2005, niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.
- Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính.
- Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo

đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 12.1.1. Trích khấu hao TSCĐ

- Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

**Bảng 16: Thời gian khấu hao ước tính của TSCĐ**

STT	Loại tài sản	Thời gian khấu hao ước tính (năm)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 15
2	Máy móc thiết bị	05– 15
3	Phương tiện vận tải	06
4	Thiết bị văn phòng	05-07

*Nguồn: trích Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2006 của NGOPREXCO*

### 12.1.2. Mức lương bình quân

- Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty khoảng 1.500.000 đồng/tháng. So với một số doanh nghiệp cùng ngành cũng như các doanh nghiệp trên cùng địa bàn thì mức thu nhập trên là ở mức khá.

### 12.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

- Việc thanh toán các khoản công nợ như: ngân hàng, khách hàng... luôn được Công ty quan tâm thanh toán đúng theo hợp đồng đã ký kết.

### 12.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định

- Các khoản phải nộp theo luật định như: các loại thuế, phí và lệ phí... luôn được Công ty thực hiện tốt, hoàn thành nghĩa vụ của mình.

### 12.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định

- Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

**12.1.6. Tổng dư nợ vay**

Tại thời điểm 31/12/2006, dư nợ vay ngắn hạn của Công ty là 4.046.913.700 đồng chi tiết như sau

- Hợp đồng vay: số 05/2006/VCB-XKNQ
- Lãi suất: 0,86%/tháng
- Thời hạn vay: 3 tháng
- Tài sản đảm bảo: tài sản nhận bàn giao từ Công ty XNK Thủy sản Kiên Giang
- Hạn mức cho vay: 3.600.000.000 đồng
- Số dư nợ vay đến 31/12/2006 là: 1.000.000.000 đồng
- Chiết khấu chứng từ, L/C trả ngay: 3.046.913.700 đồng (190.900 USD)
- Tổng cộng: 4.046.913.700 đồng

**12.1.7. Tình hình công nợ hiện nay**

Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2005 và 2006, tình hình công nợ của Công ty trong 2 năm vừa qua như sau:

**Bảng 17: Các khoản phải thu**

*Đơn vị tính: đồng*

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>2005</b>	<b>2006</b>
1	Phải thu khách hàng	2.456.039.803	5.928.470.802
2	Trả trước cho người bán	18.810.000	-
3	Phải thu nội bộ	-	-
4	Các khoản phải thu khác	1.341.883.175	1.068.472.243
5	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(18.293.035)	(18.293.035)
<b>Tổng cộng</b>		<b>3.798.439.943</b>	<b>6.978.650.010</b>

*Nguồn: trích Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của NGOPREXCO năm 2005 và 2006*

**Bảng 18: Các khoản phải trả**

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Chỉ tiêu	2005	2006
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>4.440.957.300</b>	<b>6.621.271.684</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	-	4.046.913.700
2	Phải trả cho người bán	1.375.273.800	1.307.488.279
3	Người mua trả tiền trước	-	-
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	25.490.046	3.402.198
5	Phải trả công nhân viên	734.687.477	749.405.187
6	Chi phí phải trả	46.935.359	286.509.930
7	Phải trả nội bộ	-	-
8	Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.258.570.618	227.552.390
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4.440.957.300</b>	<b>6.621.271.684</b>

Nguồn: trích Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của NGOPREXCO năm 2005 và 2006

## 12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2005 và 2006**

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2006	Năm 2005
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán hiện thời	lần	2.57	2.86
+ Hệ số thanh toán nhanh	lần	1.35	1.27
+ Hệ số thanh toán tiền mặt	lần	0.12	0.28

<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	31,46	27,79
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	47,51	40,64
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng/lần	13,70	10,05
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	525,46	443,74
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,17	4,14
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	25,22	26,87
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	16,70	18,37
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,16	4,14

(Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo tài chính đã kiểm toán của NGOPREXCO năm 2005 và 2006)

Ghi chú: Năm 2005, 2006 Công ty được miễn thuế TNDN 100%, niên độ kế toán năm 2005 bắt đầu từ ngày 01/04/2005 và kết thúc ngày 31/12/2005

### 13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

#### 13.1. Danh sách Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc

##### 13.1.1. Họ và tên:

**Huỳnh Châu Sang**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/08/1957
- Nơi sinh: Cần Thơ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Cần Thơ
- Địa chỉ thường trú: 24/11 Ngô Quyền, Vĩnh Bảo, Rạch Giá, Kiên Giang

- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 077.866 228
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học hoá
- Quá trình công tác:
  - Từ năm 1997 – 2000: Giám đốc Xí nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu Rạch Giá thuộc Công ty XNK Thủy sản Kiên Giang.
  - Từ năm 2001 – 2003: Giám đốc Xí nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu Ngô Quyền thuộc Công ty XNK Thủy sản Kiên Giang.
  - Từ năm 2003 – 2004: Giám đốc Xí nghiệp Chế biến thủy sản xuất khẩu An Hoà thuộc Công ty XNK Thủy sản Kiên Giang.
  - Từ năm 2005 – 5/2006: Phó Giám đốc Công ty cổ phần chế biến thủy sản xuất khẩu Ngô Quyền.
  - Từ 5/2006 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám Đốc Công ty
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 221.000 cổ phần, chiếm 22,1% của tổng vốn điều lệ, trong đó Đại diện phần vốn Nhà nước là: 200.000 cổ phần, cá nhân nắm giữ 21.000 cổ phần. Cổ phần Nhà nước do ông Sang đại diện theo Điều lệ Công ty bị hạn chế chuyển nhượng 3 năm kể từ khi cấp giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu. Riêng cổ phần thuộc cá nhân, ông Sang cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu đang sở hữu trong vòng 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong vòng 6 tháng tiếp theo.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:
  - Vợ Nguyễn Ngọc Thúy nắm giữ 16.700 cổ phần.
  - Con Huỳnh Ngọc Thạch nắm giữ 15.300 cổ phần.

**13.1.2. Họ và tên: Nguyễn Ngọc Anh**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 31/10/1968
- Nơi sinh: Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Số 663/18 Mac Cửu, Phường Vĩnh Quang, Rạch Giá, Kiên Giang
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 077 924 162
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính Kế Toán
- Quá trình công tác:
  - Từ năm 1997 – 1999: Phó phòng kế toán Công ty XNK Thủy Sản Kiên Giang
  - Từ năm 1999 – 2003: Phó phòng kinh doanh XNK Công ty XNK Thủy Sản Kiên Giang
  - Từ năm 2004 – 2005: Trưởng phòng kinh doanh XNK Công ty XNK Thủy Sản Kiên Giang; Phó Giám Đốc Xí Nghiệp Chế Biến Thủy Sản Kiên Giang ; Trưởng phòng tiếp thị Công ty XNK Thủy Sản Kiên Giang.
  - Từ năm 2005 – nay: Phó Giám Đốc Công ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Ngô Quyền
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ Tịch HĐQT kiêm Phó Giám Đốc Công ty.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 3.900 cổ phần, chiếm 0,39% của tổng vốn điều lệ. Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu đang sở hữu trong vòng 6 tháng kể từ khi niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong vòng 6 tháng tiếp theo.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:  
Vợ Bùi Thị Diễm Trang nắm giữ 28.000 cổ phần.

**13.1.3. Họ và tên: Võ Thế Trọng**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 06/11/1962
- Nơi sinh: Kiên Giang.



- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Kiên Giang
- Địa chỉ thường trú: 10/2 Nguyễn Trung Trực, Rạch Giá, Kiên Giang
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 077 974 131
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính – Kế toán
- Quá trình công tác:
  - Từ năm 1995 – 2000: Cán bộ Ban tài chính Tỉnh uỷ Kiên Giang
  - Từ năm 2001 – 2005: Phó phòng kế toán; Phó phòng kinh doanh XNK Cty XNK Thủy Sản Kiên Giang; Giám Đốc XN Chế Biến Thủy Sản XK Kiên Lương thuộc Cty XNK Thủy Sản Kiên Giang
  - Từ năm 2006 – nay: Kế Toán Trưởng Công ty.
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 7.000 cổ phần, chiếm 0,7% của tổng vốn điều lệ. Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu đang sở hữu trong vòng 6 tháng kể từ khi niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong vòng 6 tháng tiếp theo.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không

**13.1.4. Họ và tên: Lê Văn Vững**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/01/1957
- Nơi sinh: Kiên Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Kiên Giang
- Địa chỉ thường trú: 45 Trần Khánh Dư, An Hoà, Rạch Giá, Kiên Giang

- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0913 994 013
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại học Thủy Sản (Khoa Kinh tế).
- Quá trình công tác:
  - Từ năm 1995 – 2003: Giám Đốc Công ty Cổ Phần nước mắm Nam Phương; Giám Đốc Xí Nghiệp Chế Biến Bột Cá; Giám Đốc Xí Nghiệp Nuôi Trồng Thủy Sản thuộc Công ty XNK Thủy Sản Kiên Giang
  - Từ năm 2004 – nay : Chủ Tịch kiêm Giám Đốc Công ty TNHH Kiên Hùng I
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 150.000 cổ phần (Đại diện phần vốn của Công ty TNHH Kiên Hùng I), chiếm 15% của tổng vốn điều lệ. Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu đang sở hữu trong vòng 6 tháng kể từ khi niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong vòng 6 tháng tiếp theo.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không

**13.1.5. Họ và tên: Nguyễn Quang Kim**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/09/1964
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- Quốc tịch: 08/09/1964
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: 128/27 Hoàng Văn Thụ, Phường 7, Tp. Vũng Tàu.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0903 635 547
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Thủy Sản (Khoa Kinh tế).
- Quá trình công tác:

- Từ năm 1995 – 2000: Phó Giám Đốc xí nghiệp (XN) Bao Bì Quang Minh.
- Từ năm 2001 – 2005 Kê Toán Trưởng XN Chế Biến Thủy sản Phước Cơ
- Từ năm 2006 – nay Kê Toán Trưởng Công ty Cổ Phần Chế Biến Thủy sản Phước Cơ
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội Đồng Quản Trị.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 70.000 cổ phần, chiếm 7% của tổng vốn điều lệ. Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu đang sở hữu trong vòng 6 tháng kể từ khi niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong vòng 6 tháng tiếp theo.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không

## **13.2. Ban kiểm soát**

### **13.2.1. Họ và tên:**

**Trương Lâm Triết**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 14/06/1962
- Nơi sinh: Vĩnh Long
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vĩnh Long
- Địa chỉ thường trú: 34/14 Nguyễn Thái Học, Vĩnh Hảo, Rạch Giá, Kiên Giang
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0913 649 034
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính – Kế toán
- Quá trình công tác:
  - Từ năm 2000 – 2005: Phó phòng Kế toán Công ty Du lịch Thương mại Kiên Giang.

- Từ năm 2006 – nay: Kê Toán Trưởng Công ty Du lịch Thương mại Kiên Giang
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 400 cổ phần, chiếm 0,04% của tổng vốn điều lệ. Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu đang sở hữu trong vòng 6 tháng kể từ khi niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong vòng 6 tháng tiếp theo.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không

**13.2.2. Họ và tên: Nguyễn Thu Hồng**

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 20/10/1958
- Nơi sinh: Kiên Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Kiên Giang
- Địa chỉ thường trú: 8 Bùi Thị Xuân, Vĩnh Hảo, Rạch Giá, Kiên Giang
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0903 862 160
- Trình độ văn hóa: 6/12
- Trình độ chuyên môn: Kinh nghiệm chế biến thủy sản.
- Quá trình công tác:
  - Từ năm 1995 – 2003: Tổ trưởng, Quản đốc phân xưởng Xí nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu Ngô Quyền
  - Từ năm 2003 – 2004: Phó Giám Đốc Xí Nghiệp Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Ngô Quyền
  - Từ năm 2005 – nay : Phó phòng nghiệp vụ (phụ trách tổ chức – công đoàn) Công ty cổ phần chế biến thủy sản xuất khẩu Ngô Quyền
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm Soát; Phó phòng nghiệp vụ (phụ trách tổ chức – công đoàn) Công ty.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 10.050 cổ phần, chiếm 0,11% của tổng vốn điều lệ. Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu đang sở hữu trong vòng 6 tháng kể từ khi niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong vòng 6 tháng tiếp theo.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có

**13.2.3. Họ và tên: Trần Đàm Minh Tâm**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/08/1974
- Nơi sinh: An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: An Giang
- Địa chỉ thường trú: 50/487A Khu phố Thông Chũ, Vĩnh Hiệp, Rạch Giá, Kiên Giang
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 077 862 160
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học công nghệ chế biến thủy sản
- Quá trình công tác:
  - Từ năm 1999 – 2005: Cán bộ Kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS); Phó Giám Đốc Xí Nghiệp Chế Biến thủy Sản Phú Quốc thuộc Công ty Xuất nhập khẩu thủy sản Kiên Giang.
  - Từ năm 2006 – nay: Quản đốc phân xưởng Công ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Ngô Quyền.
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm Soát, Quản đốc phân xưởng
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

- Số cổ phần nắm giữ: 100 cổ phần, chiếm 0,01% của vốn điều lệ. Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu đang sở hữu trong vòng 6 tháng kể từ khi niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong vòng 6 tháng tiếp theo.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không

### 13.3. Ban Giám Đốc

13.3.1. **Giám Đốc: Huỳnh Châu Sang** (Xem Sơ yếu lý lịch phần HĐQT)

13.3.2. **Phó Giám Đốc: Nguyễn Ngọc Anh** (Xem Sơ yếu lý lịch phần HĐQT)

13.4. **Kế toán trưởng: ông Võ Thế Trọng** (Xem sơ yếu lý lịch phần HĐQT)

### 14. Tài sản

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty tại thời điểm 31/12/2006 như sau:

**Bảng 20 : Giá trị TSCĐ tại thời điểm 31/12/2006**

Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/Nguyên giá
<b>I</b>	<b>TSCĐ hữu hình</b>	<b>5.098.714.698</b>	<b>3.681.682.325</b>	<b>72,21</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	1.673.796.865	1.178.886.884	70,43
2	Máy móc, thiết bị	3.134.116.787	2.321.881.628	74,08
3	Phương tiện vận tải	192.714.421	124.047.675	64,37
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	98.086.625	56.866.168	57,98
<b>II</b>	<b>TSCĐ vô hình</b>	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>5.098.714.698</b>	<b>3.681.682.325</b>	<b>72,21</b>

Nguồn: trích Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của NGOPREXCO năm 2006

**Bảng 21: Danh mục tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2006**

SỐ TT	TÊN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
-------	---------------------	------------	-----------------

	<b><i>1/ Nhà cửa, vật kiến trúc</i></b>	<b>1.673.796.865</b>	<b>1.178.886.884</b>
1	Trại SX Khung tiếp	240.378.932	156.246.306
2	Hệ thống xử lý nước	42.434.969	17.681.237
3	Nhà bao che (kho trữ 100 tấn)	24.935.191	19.116.980
4	Phòng sơ chế	39.560.713	25.137.536
5	Khu vệ sinh	62.596.846	39.775.079
6	Phòng CB hàng cao cấp	58.589.564	37.228.785
7	Phòng NL	48.195.204	30.624.036
8	Nhà xưởng CB khu vực trước	37.294.291	23.697.414
9	Nhà kho bao bì	29.263.051	18.594.230
10	Bàn xử lý Inox (03 dãy)	113.527.500	80.415.312
11	Phòng lên khuôn	10.229.308	5.753.986
12	Phòng IQF	10.506.072	5.909.665
13	Nhà làm việc khu trước	105.000.000	66.718.750
14	Phòng trữ 50T	60.000.000	25.000.000
15	Phòng trữ 100T	90.000.000	37.500.000
16	Đường nội bộ	10.000.000	1.250.000
17	Nhà bao che máy phát điện	14.400.000	1.800.000
18	Hồ - Đài nước	40.000.000	5.000.000
19	Lắp đặt kho tiền đông	13.626.537	5.677.724
20	Hội trường	65.490.353	27.287.647
21	Nhà bao che kho trữ 150T	156.643.334	154.032.612
22	Panel kho trữ lạnh 150T	401.125.000	394.439.583
	<b><i>2/ Máy móc, thiết bị</i></b>	<b>3.134.116.787</b>	<b>2.321.881.628</b>
1	Kho lạnh 100 tấn (2máy River)	368.635.525	296.956.395
2	Máy cấp đông IQF	35.155.753	19.775.110
3	Thay máy nén Mycom 62A tủ 50	22.237.034	12.508.332
4	Tủ đông Misubishi 800kg	341.275.721	191.967.593
5	Tủ MYCOM 62A đông 600kg	300.000.000	168.750.000

6	Tủ MYCOM đông 500kg	109.722.547	61.718.933
7	Tủ MYCOM đông 300kg	105.000.000	59.062.500
8	Máy phát điện -375KVA	92.314.286	56.414.286
9	Tủ đông gió 250kg/h	241.355.314	147.494.914
10	Máy lạnh 2.5 HP	10.746.428	7.327.110
11	Lắp đặt hệ thống xử lý nước vi sinh	97.163.064	80.159.528
12	Máy ép chân không	349.830.065	288.609.804
13	Máy dò kim loại KD8015AW	163.540.800	108.385.864
14	Dàn lạnh kho 150T	68.823.650	67.103.059
15	Dàn ngưng tụ 15HP kho 150T	89.000.000	86.775.000
16	Máy đá vảy	495.000.000	489.107.143
17	Máy hút chân không T12/06	81.120.000	57.262.221
18	Máy biến thế T.02/06	133.196.600	97.503.836
19	Máy cắt cá T.06/06	30.000.000	25.000.000
	<b>3/ Phương tiện vận tải</b>	<b>192.714.421</b>	<b>124.047.675</b>
1	Xe tải 1.5 tấn 68H-1963	42.714.421	17.797.675
2	Xe Toyota Zace GL 8 chỗ (68H-2575)	150.000.000	106.250.000
	<b>4/Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>98.086.625</b>	<b>56.866.138</b>
1	Máy lạnh 2.5 HP - 3 cái	41.520.000	23.355.000
2	Hệ thống camera	26.544.763	13.272.380
3	Máy photo 1085	17.926.624	12.222.698
4	Máy vi tính P.4	12.095.238	8.016.060
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.098.714.698</b>	<b>3.681.682.325</b>

Nguồn: NGOPREXCO

## 15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

### 15.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2007 – 2009

#### 15.1.1. Những căn cứ để lập kế hoạch kinh doanh trong những năm tới:

- Những dự báo về tiềm năng phát triển của nền kinh tế Việt Nam nói chung và của ngành thủy sản Việt Nam nói riêng.



- Chiến lược phát triển của ngành thủy sản trong những năm tới.
- Nhu cầu tiêu thụ của thị trường trong và ngoài nước.
- Công suất máy móc, năng lực sản xuất của Công ty.
- Khả năng kiểm soát được nguồn nguyên liệu.
- Kế hoạch đầu tư của Công ty trong những năm tới.
- Thông báo của Cục thuế tỉnh Kiên Giang số 112/TB-CT ngày 02/08/2005 về việc miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Những hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết.

**Bảng 22: Những hợp đồng lớn mà Công ty đã và đang thực hiện**

SỐ TT	HỢP ĐỒNG					THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG	
	Số	Đối tác	Tên hàng	Trị giá (USD)	Thời hạn	Đã thực hiện	Đang thực hiện
1	118/NQ-06	Yuko Marine LTD.	Mực nang Fillet	154,560.00	tháng 2/07	X	
	028/NQ-07	Yuko Marine LTD.	Mực nang Fillet	77,920.00	15/7/07	X	
	057/NQ-07	Yuko Marine LTD.	Mực nang Fillet	153,093.00	10/7/07	X	
	097/NQ-07	Yuko Marine LTD.	Mực nang Fillet	76,207.00	tháng 9/07		X
	103/NQ-07	Yuko Marine LTD.	Mực nang Fillet	76,527.76	tháng 9/07		X
	014/NQ-07	Yuko Marine LTD.	Bạch tuộc	37,100.00	tháng 2/07	X	
	036/NQ-07	Yuko Marine LTD.	Bạch tuộc	18,200.00	tháng 4/07	X	
	085/NQ-07	Yuko Marine LTD.	Bạch tuộc	39,600.00	10/8/07	X	
	102/NQ-07	Yuko Marine LTD.	Bạch tuộc	19,460.00	tháng 9/07		X
	016/NQ-07	Yuko Marine LTD.	Mực ống	31,115.00	15/3/07	X	
	023/NQ-07	Yuko Marine LTD.	Mực ống	30,575.00	3/4/07	X	
	046/NQ-07	Yuko Marine LTD.	Mực ống	31,120.00	15/6/07	X	
	105/NQ-07	Yuko Marine LTD.	Mực ống	29,750.00	tháng 10/07		X
2	024/NQ-07	Daiei Taigen Co., Ltd.	Mực lá Fillet	297,834.00	30/4/07	X	
3	050/NQ-07	Fuji Corporation	Mực lá Fillet	379,392.00	tháng 6/2007	X	
	079/NQ-07	Fuji Corporation	Mực lá Fillet	107,970.00	tháng 7/2007	X	
	095/NQ-07	Fuji Corporation	Mực lá Fillet	319,919.40	tháng 9/2007		X
4	306.148	Meiwa Corporation	Mực nang trái thông	84,375.00	tháng 5/07	X	
	306.159	Meiwa Corporation	Mực nang trái thông	85,050.00	tháng 4/07	X	
	307.007	Meiwa Corporation	Mực nang trái thông	127,575.00	10/6/007	X	
5	087/NQ-07	Daimaru Kogyo Ltd.	Mực ống	33,168.00	tháng 8/07	X	
	096/NQ-07	Daimaru Kogyo Ltd.	Mực ống	75,532.80	tháng 10/07		X
6	Ngoprexco 1	Goshoku Co., Ltd	Mực nang Fillet	79,242.00	18/5/07	X	
	Ngoprexco 4	Goshoku Co., Ltd	Mực nang Fillet	77,835.00	10/8/07	X	
	Ngoprexco 6	Goshoku Co., Ltd	Mực lá Fillet	73,171.20	28/9/07		X
7	30/06.Shira	Ebi Senbei/Taikoh	Bạch tuộc	129,360.00	31/1/07	X	
	29/06.Momo	Momokawa/Taikoh	Bạch tuộc	35,880.00	10/1/07	X	
	05/07.Momo	Momokawa/Taikoh	Bạch tuộc	35,190.00	14/3/07	X	
	07/07.Shira	Ebi Senbei/Taikoh	Bạch tuộc	123,840.00	tháng 5/07	X	

	12/07.Maru	Marubeni/Taikoh	Bạch tuộc	37,260.00	20/9/07		X
8	105/NQ-06	Kanbe Company LTD	Ghẹ nguyên con	27,846.00	tháng 12/06	X	
	110/NQ-07	Kanbe Company LTD	Ghẹ nguyên con	56,736.00	tháng 4/07	X	
	051/NQ-07	Kanbe Company LTD	Ghẹ nguyên con + cắt	28,602.00	tháng 6/07	X	
	070/NQ-07	Kanbe Company LTD	Ghẹ nguyên con	51,948.00	tháng 9/07		X
	090/NQ-07	Kanbe Company LTD	Ghẹ cắt	39,690.00	tháng 9/07		X
9	159/KT-NQ/06	Kyokuyo/Thang Long	Ghẹ nguyên con	27,600.00	tháng 12/07	X	
	04/KT-NQ/06	Thang Long Corp	Ghẹ nguyên con	31,000.00	16/1/07	X	
	04/KT-NQ/09	Thang Long Corp	Ghẹ nguyên con	31,000.00	tháng 4/07	X	
	01/KT-NQ/07	Thang Long Corp	Ghẹ nguyên con	26,334.00	tháng 6/07	X	
10	111/NQ-06	Pacific Rim Co., Ltd	Ghẹ nguyên con	30,168.00	15/10/07	X	
	018/NQ-07	Pacific Rim Co., Ltd	Ghẹ nguyên con	29,400.00	20/3/07	X	
	060/NQ-07	Pacific Rim Co., Ltd	Ghẹ nguyên con	24,860.00	20/6/07	X	
	099/NQ-07	Pacific Rim Co., Ltd	Ghẹ nguyên con	52,200.00	10/10/07		X
11	034/NQ-07	Ilsan Trading Co., Ltd	Bạch tuộc	28,224.00	tháng 4/07	X	
	043/NQ-07	Ilsan Trading Co., Ltd	Bạch tuộc	29,953.00	tháng 5/07	X	
	066/NQ-07	Ilsan Trading Co., Ltd	Bạch tuộc	30,528.00	tháng 7/07	X	
	093/NQ-07	Ilsan Trading Co., Ltd	Bạch tuộc	30,943.00	tháng 8/07		X
12	035/NQ-07	Haiyoung International	Bạch tuộc	25,500.00	tháng 4/07		
	055/NQ-07	Haiyoung International	Bạch tuộc	28,875.00	tháng 6/07		
	065/NQ-07	Haiyoung International	Bạch tuộc	28,875.00	tháng 7/07		
	083/NQ-07	Haiyoung International	Bạch tuộc	28,875.00	tháng 8/07		
	112/NQ-07	Haiyoung International	Bạch tuộc	28,875.00	15/10/07		
13	116/NQ-06	Balimoon Surgeles SA	Mực nang trái thông	43,775.00	tháng 1/07	X	
	009/NQ-07	Balimoon Surgeles SA	Mực nang trái thông	44,200.00	tháng 2/07	X	
	21/NQ-07	Balimoon Surgeles SA	Mực nang trái thông	44,625.00	tháng 3/07	X	
	041/NQ-07	Balimoon Surgeles SA	Mực nang trái thông	98,142.00	10/6/07	X	
	058/NQ-07	Balimoon Surgeles SA	Mực nang trái thông	103,975.00	tháng 8/07	X	
14	013/NQ-07	Dea Mare S.R.L	Ghẹ cắt, Bạch tuộc	63,930.00	tháng 2/07	X	
	037/NQ-07	Dea Mare S.R.L	Mực nang nguyên con	57,660.00	10/5/07	X	
	062/NQ-07	Dea Mare S.R.L	Mực nang nguyên con	55,345.00	tháng 6/07	X	
	075/NQ-07	Dea Mare S.R.L	Mực nang nguyên con	55,880.00	tháng 7/07	X	
	104/NQ-07	Dea Mare S.R.L	Mực nang nguyên con	54,640.00	10/9/07		X
15	117/NQ-06	Euromex Seafood	Hải sản các loại	32,574.00	tháng 1/07	X	
	006/NQ-07	Euromex Seafood	Hải sản các loại	52,267.00	20/12/07	X	
	026/NQ-07	Euromex Seafood	Hải sản các loại	44,490.00	tháng 4/07	X	
	067/NQ-07	Euromex Seafood	Hải sản các loại	83,520.00	tháng 7/07	X	
	110/NQ-07	Euromex Seafood	Hải sản các loại	38,580.00	tháng 9/07		X
16	113/NQ-06	Marseille Store	Mực nang các loại	46,554.00	31/12/07	X	
	007/NQ-07	Marseille Store	Mực nang các loại	90,970.00	10/2/07	X	
	019/NQ-07	Marseille Store	Mực nang các loại	45,370.00	tháng 3/07	X	
	033/NQ-07	Marseille Store	Mực nang các loại	49,410.00	3/7/07	X	
	056/NQ-07	Marseille Store	Mực nang các loại	46,835.00	tháng 6/07	X	
	076/NQ-07	Marseille Store	Mực nang các loại	46,610.00	tháng 7/07	X	
	098/NQ-07	Marseille Store	Mực nang các loại	46,570.00	tháng 8/07	X	
	108/NQ-07	Marseille Store	Mực nang các loại	44,830.00	tháng 9/07		X
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>4,886,606.16</b>			

(Nguồn: Ngoprexco)

Do tính đặc thù từ nguồn nguyên liệu của công ty là hải sản khai thác từ biển nên phụ thuộc nhiều vào thời vụ, giá cả luôn biến động. Để hạn chế rủi ro, công ty không ký kết các hợp đồng có thời gian dài (trên 03 tháng) với số lượng lớn mà chỉ ký các hợp đồng theo từng thời vụ với giá cả phù hợp, hiệu quả và ổn định.

**15.1.2. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty giai đoạn 2007 – 2009**

**Bảng 23: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của công ty từ năm 2007 – 2009**

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
	Giá trị	tăng giảm so với 2006(%)	Giá trị	tăng giảm so với 2007(%)	Giá trị	tăng giảm so với 2008(%)
1. Vốn điều lệ (triệu đồng)	10.000	-	20.000	100,00	22.000	10,00
2. Doanh thu thuần (triệu đồng)	117.581	6,32	153.000	30,12	158.000	3,27
3. Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	3.167	(9,90)	6.207	95,99	6.746	8,68
4. Lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần(%)	2,69	-	4,06	-	4,27	-
5. Lợi nhuận sau thuế/Vốn Điều lệ (%)	31,67	-	31,04	-	30,66	-
6. Tỷ lệ trả cổ tức(%)	24	-	24	-	24	-

Nguồn: NGOPREXCO

Năm 2006, Công ty được miễn 100% thuế TNDN, năm 2007 được giảm 50% thuế TNDN và áp dụng mức thuế suất là 14% nên dự kiến lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2007 giảm so với năm 2006

**15.2. Phương hướng thực hiện**

**15.2.1. Kế hoạch kinh doanh**

- Tiếp tục tăng cường củng cố, phân công cán bộ giám sát địa bàn nắm bắt kịp thời tình hình giá cả, sản lượng, mùa vụ của từng loại sản phẩm; chủ động xây dựng kế hoạch kinh doanh mở rộng địa bàn thu mua sang các tỉnh bạn; xây dựng mối quan hệ mật

thiết với bà con ngư dân và đáp ứng đủ lượng tiền mặt cần thiết nhằm thu hút được nguồn nguyên liệu đảm bảo cho hoạt động sản xuất được thường xuyên liên tục.

- Tích cực đẩy mạnh nghiên cứu thị hiếu của người tiêu dùng nước ngoài đặc biệt là ở các thị trường Châu Âu, Nhật Bản để sản xuất và cung cấp các mặt hàng giá trị gia tăng với chất lượng cao và giá cả hợp lý.
- Tăng cường giám sát diễn biến thị trường, phát triển năng lực dự báo để phòng ngừa những hậu quả khôn lường.
- Đẩy mạnh công tác lập kế hoạch kiểm soát chi phí, tăng năng suất, giảm giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Thường xuyên tăng cường hướng dẫn, kiểm tra công nhân thực hiện nội quy lao động, quy trình kỹ thuật chế biến theo chương trình quản lý chất lượng HACCP, kiểm tra các quy định về an toàn lao động; vệ sinh an toàn thực phẩm để sản phẩm của Công ty luôn giữ được sự ổn định, cải tiến; thương hiệu sản phẩm ngày càng được khẳng định trên thị trường.
- Bố trí hợp lý giữa các khâu trong dây chuyền sản xuất, tránh thời gian sản phẩm nằm chờ trên dây chuyền; hướng dẫn công nhân thay đổi thao tác lao động để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.

#### **15.2.2. Kế hoạch Marketing**

- Đẩy mạnh công tác quảng bá thương hiệu và sản phẩm thông qua các hội chợ thủy sản trong và ngoài nước.
- Mở rộng thị trường xuất khẩu chú trọng thị trường Châu Âu trên cơ sở giữ vững thị trường Nhật Bản.
- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, mở rộng quan hệ đối ngoại để tìm kiếm thị trường mới.
- Mở rộng mạng lưới phân phối trong và ngoài nước.
- Xây dựng chính sách giá sản phẩm hợp lý trên cơ sở đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- Xây dựng và hoàn thiện trang Web.
- Xây dựng kế hoạch dài hạn cho công tác tiếp thị và định hướng sản xuất sản phẩm đồng thời tìm ra hướng đi bền vững cho sản phẩm mà Công ty có thể mạnh.

### 15.2.3. Kế hoạch đầu tư

- Thành lập Phòng kiểm nghiệm trên cơ sở trang bị máy móc, dụng cụ thí nghiệm để phòng kỹ thuật Công ty thực hiện nhiệm vụ kiểm tra hàng ngày các mẫu vi sinh; kháng sinh của sản phẩm Công ty sản xuất với kinh phí khoảng 300 triệu đồng.
- Mua mới 01 tủ đông tiếp xúc công suất 1MT/mẻ với kinh phí 1,2 tỷ đồng.
- Lập phương án nhập 01 băng chuyền cấp đông IQF trị giá khoảng 4 tỷ đồng bằng nguồn vốn vay dự kiến thực hiện Quý IV/2007.

**Bảng 24: Phương án đầu tư chi tiết từ năm 2007-2009** Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Hạng mục	Giá trị
<b>I</b>	<b>Năm 2007</b>	<b>4.800.000</b>
1	Xây dựng, mua sắm thiết bị phòng kiểm nghiệm	300.000
2	Trang bị một máy kiểm tra dư lượng kháng sinh	300.000
3	Mua sắm mới hai tủ đông tiếp xúc 1.050 kg/mẻ	2.100.000
4	Mua sắm mới một băng chuyền IQF 250kg/h	2.100.000
<b>II</b>	<b>Năm 2008</b>	<b>1.000.000</b>
1	Cải tạo một băng chuyền IQF cũ thành tủ đông gió công suất 360kg/h	500.000
2	Máy hút màn co, máy hút chân không, máy rà kim loại	500.000
<b>III</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>14.000.000</b>
1	Đầu tư dự án xây dựng nhà máy mới tại khu cảng cá Tắc Cậy (Nhà xưởng, hệ thống xử lý nước sản xuất, hệ thống xử lý nước thải)	10.000.000
2	Đầu tư dự án xây dựng một nhà máy nước đá chuẩn HACCP 500 cây/ngày tại cảng cá Tắc Cậy	1.250.000
3	Mua sắm mới hai tủ đông tiếp xúc 1.050kg/mẻ, kho trữ lạnh 150tấn tại nhà máy cảng cá Tắc Cậy	2.750.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>19.800.000</b>

(Nguồn: NGOPREXCO)

### 15.2.4. Kế hoạch tài chính

- Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định

- Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để bổ sung vốn cho các hoạt động đầu tư.
- Tích cực tìm kiếm các khoản vay với lãi suất thấp để tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động.

#### **15.2.5. Kế hoạch nhân sự**

- Tiếp tục kiện toàn công tác tổ chức trên tinh thần tất cả cho sản xuất. Duy trì lực lượng lao động ổn định trên dưới 500 người.
- Tăng cường bổ sung thêm lực lượng cán bộ có trình độ quản lý, trình độ kỹ thuật; Bố trí các khâu trọng yếu trong hệ thống tổ chức của Công ty.
- Lập kế hoạch mở lớp tập huấn nâng cao trình độ tay nghề cho công nhân; tổ chức thi tay nghề, nâng bậc lương cho công nhân lao động.
- Cải tiến chính sách lương thưởng theo hướng tạo động lực thúc đẩy người lao động hăng say làm việc và gắn bó với Công ty.
- Đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho khoảng trên dưới 500 công nhân, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của Nhà nước.
- Thường xuyên quan tâm cải thiện điều kiện làm việc; chăm lo bữa ăn trưa giữa ca bố trí nhà nghỉ trưa, nhà ở tập thể công nhân xa, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, giúp họ an tâm công tác và gắn bó lâu dài với Công ty.

#### **16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

- Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hiện nay của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền, cùng với việc phân tích ngành thủy sản, Công ty cổ phần Chứng khoán Phú Gia cho rằng, kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của NGOPREXCO dự kiến trong giai đoạn 2007 – 2009 là có thể đạt được nếu không chịu ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng.
- Công ty cổ phần Chứng khoán Phú Gia lưu ý rằng những nhận xét của PHUGIA SC chỉ có giá trị tham khảo cho các nhà đầu tư. PHUGIA SC khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản cáo bạch này trước khi quyết định đầu tư. Các thông tin trình bày hoặc các nhận định nêu trên không hàm ý PHUGIA SC bảo đảm giá trị của cổ phiếu và kết quả đầu tư vào cổ phiếu này.

**17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức xin niêm yết**

Không có.

**18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết**

Không có.

**V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**

**1. Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông

**2. Mệnh giá:** 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

**3. Tổng số chứng khoán niêm yết**

- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

- Tổng số chứng khoán niêm yết: 1.000.000 cổ phiếu

- Số chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng bao gồm:

- Cổ đông nhà nước: 200.000 cổ phần, chiếm 20,00% vốn điều lệ.
- Số cổ phần nhận chuyển nhượng của ông Đặng Minh Luân từ hai cổ đông sáng lập khác là 20.000 cổ phần, chiếm 2% vốn điều lệ.
- Số cổ phần của HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng cam kết nắm giữ 100% số cổ phần sở hữu trong vòng 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phần này trong 6 tháng tiếp theo là: 262.450 cổ phần chiếm 26,25% vốn điều lệ.

**4. Phương pháp tính giá**

- Giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2006

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần}} = \frac{13.935.546.229}{1.000.000} = 13.936 \text{ đồng}$$

Ghi chú: Trong vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2006, phần lợi nhuận chưa phân phối là 1.948.522.930 đồng có một phần cổ tức là 1.926.922.928 đồng chưa chia cho cổ đông do phải chờ Quyết định của Đại hội cổ đông. Trong Quý I năm 2007, Công ty đã hoàn tất việc chi trả cho cổ đông toàn bộ cổ tức nói trên.

- Giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 30/06/2007

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần}} = \frac{13.732.800.158}{1.000.000} = 13.732 \text{ đồng}$$

### **5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

- Sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, nhà đầu tư nước ngoài sẽ được phép mua cổ phiếu của Công ty theo quy định hiện hành về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với các công ty niêm yết, cụ thể tỷ lệ sở hữu tối đa là 49% tổng số cổ phiếu của tổ chức niêm yết theo Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 29/09/2005 về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam và Thông tư số 90/2005/TT-BTC ngày 17/10/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg.

### **6. Các loại thuế có liên quan**

- Thuế GTGT: phương pháp tính thuế: phương pháp khấu trừ; thuế suất: 5% và 10%.
- Thuế xuất khẩu: 0%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo thông báo của Cục thuế tỉnh Kiên Giang số 112/TB-CT ngày 02/08/2005 về việc miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thì thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp mà Công ty được áp dụng là 28% và Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 03 năm tiếp theo. Trong năm 2005 và năm 2006 Công ty đã được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, như vậy Công



ty sẽ được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2007, năm 2008, năm 2009.

- Các loại thuế khác (thuế môn bài, thuế thuê đất, thuế thu nhập cá nhân): Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật.

## **VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**

### **1. Tổ chức tư vấn niêm yết**

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ GIA**

- Địa chỉ: 13A Tú Xương, Phường 7, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 08. 932 2222
- Fax: 08. 932 1619
- Website: [www.phugiasc.vn](http://www.phugiasc.vn)
- Email: [phugiasc@phugiasc.com.vn](mailto:phugiasc@phugiasc.com.vn)
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005804 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 27/12/2006.
- Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 47/UBCK - GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006.

### **2. Tổ chức kiểm toán**

#### **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**

- Địa chỉ: Lầu 5, 140 Nguyễn Văn Thủ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 8275026
- Fax: (84-8) 8275027

## **VII. PHỤ LỤC**

1. Phụ lục I            Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. Phụ lục II           Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc niêm yết.
3. Phụ lục III        Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2005, năm 2006 và báo cáo quyết toán Quý II tháng năm 2007.
4. Phụ lục IV        Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

*Kiên Giang, ngày tháng năm 200...*

**CHỦ KÝ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC,  
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TÔNG GIÁM ĐỐC**

**HUỲNH CHÂU SANG**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**TRƯƠNG LÂM TRIẾT**

**VÕ THẾ TRỌNG**